

Bản-quyền hiệu MẠC ĐÌNH-TƯ quyền số 8.

Giá 0\$15

音解隲陰 ÂM-CHẤT GIAI-ÂM

Chinh-văn tổng-luân và diễn giải 93 tích



Hoà-chai ĐÔ-DU

DIỄN GIẢI

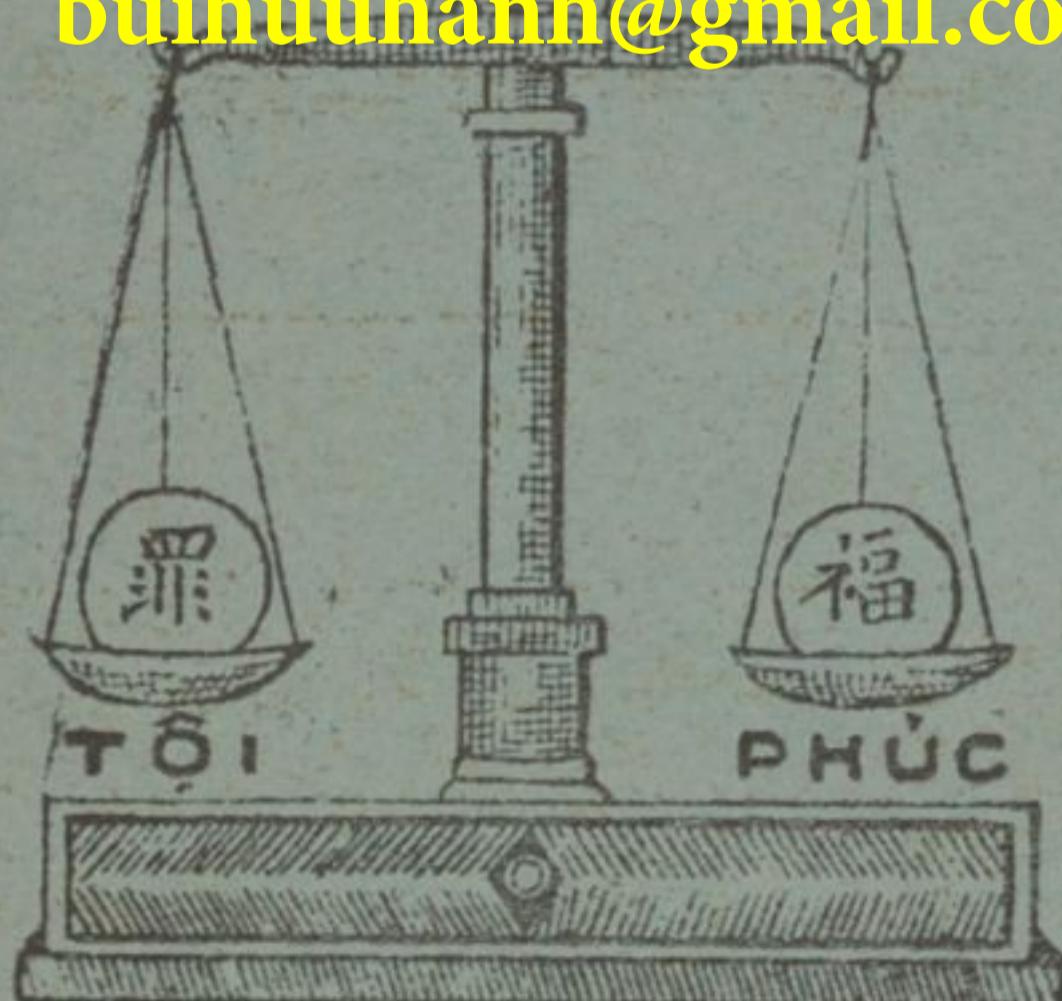
MẠC ĐÌNH-TƯ

DỊCH SANG QUỐC-NGỮ, XUẤT-BẢN

DEPOT LEGAL
OF INDOCHINE

Nº 496

1922 | PDF | 84 Pages
buihuuhanh@gmail.com



In tại hiệu MẠC ĐÌNH-TƯ - HANOI

Bản-quyền hiệu MẠC ĐÌNH-TƯ quyền số 8.

Giá 0\$15

音解隲 ÂM-CHẤT GIẢI-ÂM

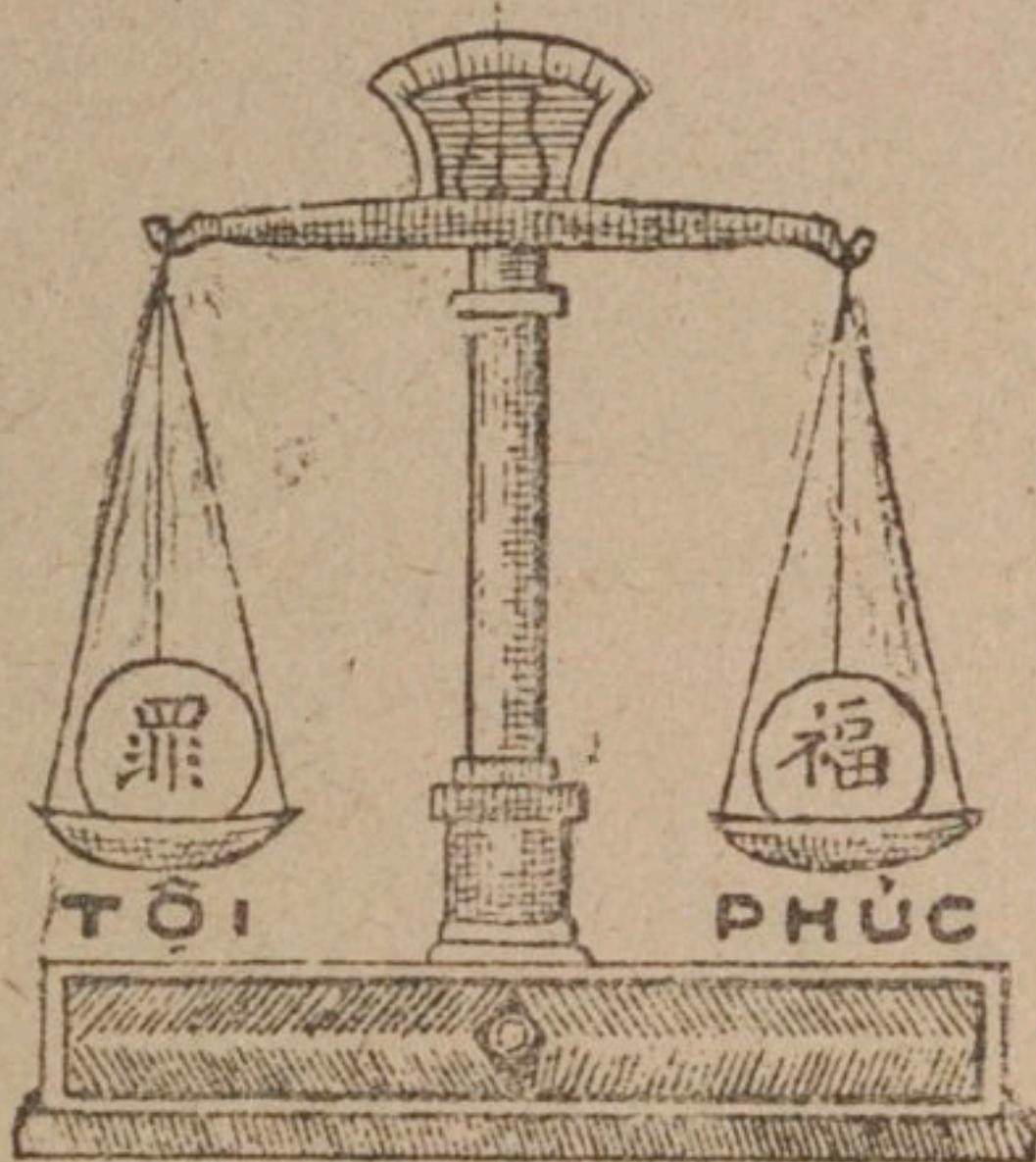
Chính-văn tông-luận và diễn giải 93 tích

Hoà-chai ĐÔ-DƯ

DIỄN GIẢI

IMPRIMERIE MẠC ĐÌNH-TƯ

DỊCH SANG QUỐC-NGỮ, XUẤT-BẢN



MẠC-ĐÌNH-TƯ

Hiệu ở số 136, Phó Hàng Bông — Hà-nội

Kính cáo,

Bản-hiệu xuất bản quyển « ÂM-CHẤT » này, cốt
để truyền Thánh-kinh, rộng phúc-điền, vừa tặng,
vừa bán giá hạ lấy đủ vốn, được bao nhiêu lại
cúng vào việc phúc; ai mua cũng được hưởng,
« Kẻ công người của phúc liền chia đôi! »

A-Di-Đà-Phật!

Bản-hiệu in đủ các lõi, bán đủ các thư
sách, chử tây, chử quốc-ngữ, chử nho, chử
nôm và các thư truyện quốc-ngữ diễn ca,
thơ-phú, ngâm-vịnh, diễn nghĩa, tuồng; các
thư sổ, cùng giấy, bút, mực; các thư
dùng ở bàn giấy, ở trường học và sự vê.
Mây lại đóng bìa sổ, sách, làm các thư hộp
đựng mứt, đựng đồ vàng, bạc, đựng thuốc,
đựng giấy, và khắc các thư dấu đồng, dấu
gỗ, thẻ ngà, vân vân....

Giá đều tinh phải chăng.

KHOÀNG TRÊN DỨNG BÚT

Thưa các ngài,

Một đứa trẻ đang học nói, tất phải nay dạy
vàng, mai dạy dạ, điều gì cũng dạy; mới mong
có ngày biết gọi, biết thưa.

Một nhà kia đang túng-nghèo, tất phải chòng
làm ruộng, vợ làm vườn, việc gì cũng làm; mới mong
có ngày nỗi lứng, nỗi vốn.

Quốc-văn ta ngày nay, chính đang buồi trẻ thơ,
đang khi nghèo túng; nếu quốc-dân ta cứ tiếc công
tiếc sức, sợ vụng, sợ dốt; không chịu đọc quốc-
văn, không chịu làm quốc-văn. Sự tò-điểm nên
cái nền quốc-văn, sự cỗ-động nên cái lối quốc-văn;
trừ ra mấy nhà sư-phạm và mấy nhà báo-quán,
vẫn chưa được mấy nhà đem bụng nhiệt-thành,
vậy thì quốc-văn ta sao cho chóng phát-đạt lưu-
thông mà tiến lên con đường văn-hoa được!

Ôi! Hán-học sắp tàn, pháp-văn chưa khắp, cái quan-
niệm của quốc-văn đối với buồi giao-thời này thế nào?
Sự-tích của bốn nghìn năm cũ, còn hay là mất; kiến-văn
của hai mươi bốn triệu người, rộng hay là hẹp, bảo chả
trông vào quốc-văn thì trông đâu? Phương chi quốc-
văn lại là quốc-hồn, quốc-túy của quốc-dân; có lẽ
nào chỉ dùng để làm âm-hoại mà thôi! Vậy thì sự
biên-tập quốc-văn, chước-thuật quốc-văn, thực là cái
trách-nhiệm chung của mọi người trong xã-hội.

Tôi cũng là một người trong quốc-dân, đối với
quốc-văn vốn sẵn có cảm-tình vô hạn; ngặt vì
thì-giờ bắt-buộc vào trong trường doanh-nghiệp, tâm

I V

vô-nhi dụng, nên cái tư-tưởng về học-giới chưa được hoàn-toàn;

Khoảng mấy năm nay, cũng có xuất bản được ít nhiều truyện, sách quốc-văn; song tự-suý với cảm-tình, thực chưa được phu lòng trong muôn một vây.

Gần đây nhờ có mấy bạn văn-si biểu đồng-tình, có soạn dịch chung được nhiều truyện, sách diễn nghĩa, hoặc diễn ca, phần thì là truyện Tây, phần thì là truyện Tàu, phần thì truyện nước Nam ta, và tự chọn trong các truyện sách nôm, bản chữ viết, hoặc bản chữ in của các cụ tiền-bối soạn. Xin lựa theo ý riêng mà xuất bản ra dần, cho được làm trọn cái nghĩa-vụ của nhà in, và xin hiến các ngài một chút thì-giờ vân-song huyền-tụng.

Cuốn sách « Âm-chất giải-âm » (陰嚮解音) này nguyên là bản gỗ chữ nôm ở đền Ngọc-sơn, nói về truyện « Thiện ác báo ứng. » (善惡報應) của Đức Tử-Đồng Đế-quân giáng bút bài chính-văn tổng-luận 93 tích chữ nho; cụ Hoà-chai Đỗ-Dư dịch giải rõ-ràng ra chữ nôm, lời văn thực là hay. Nhưng lối chữ nôm ngày nay không được thông-dụng; nên tôi mới dịch sang quốc-ngữ, nhờ bạn làng-văn kiểm lại, vì bản gỗ lâu năm có nhiều chữ mòn không rõ nét, và sửa đổi một vài chữ tiếng cổ-văn ra kim-văn.

Nay xin kính in ra đây, để cho được thông-dụng. Kinh xưa, chữ mới, hay hèn đâu dám nói, nhưng hai chữ « Âm-chất » cũng là cái chủ-nghĩa của người đời nên nghiên-cứu đến, xin các ngài hạ-cố.

MẠC ĐÌNH-TƯ
Kinh đế.

TƯA

Kinh Phật có câu rằng: « Tâm tức Phật, Phật tức tâm, » (心卽佛，佛卽心). Sách nho có chữ rằng: « Hoàng-thiên bất phụ hảo tâm nhân, » (皇天不負好心人). Thì biết rằng người ta cốt phải giữ lấy lòng làm chủ, không nên lúc nào phóng tâm, dẫu Trời, Phật cũng bởi ở lòng mình, cho nên dù có, dù không, nói hư, nói thực, hễ bụng đã cho là có, thì không nên bác là không; hễ bụng đã cho là thực, thì không nên chê là hư. Thì cái tâm ấy bao giờ cũng giữ được đạo chính. Huống chi có lòng thì Trời nào phụ, chẳng hay trước thời hay sau.

Chớ thấy người bạc-ác được giàu-sang; người nhân-đức phải nghèo-hèn, mà bảo rằng Trời ở không cân. Là vì người nhân-đức, nhưng tội trước chưa xong, nên phải nghèo-hèn; người bạc-ác, nhưng phúc xưa còn lại, nên được giàu-sang.

Sự báo-ứng thường-thường về kiếp sau, cho nên phương-ngôn có câu rằng: « Đời cha ăn mặn, đời con khát nước. » Lại có câu rằng: « Ăn mắm thì ngâm về sau. » Vậy chớ nên cho sự báo-ứng là không có mà bỏ mất cái tâm đi. Hễ tròng cây thì có ngày ăn quả, hay đi đêm có ngày gặp ma.Ở lành gặp lành, ở dữ gặp dữ, bạc-ác mà được giàu-sang, thì cái giàu-sang ấy, chẳng qua cũng như mây nỗi mà thôi; nhân-đức mà phải nghèo-hèn, thì cái nghèo-hèn ấy, há có như là mưa rầm hay sao!

VII

Mới đây ông Mạc Đinh-Tư, có đưa tôi xem quyển *Âm-chất giải-âm*, chữ ngọc tinh-tường, nhời vàng dày-dỗ, khuyên người làm điều thiện, bỏ điều ác, làm điều hay, bỏ điều dở, để tích lấy âm-công, trồng lấy âm-đức, lại có dẫn chứng các truyện đời xưa, thiện ác bá-c-ứng, đặt là sáng như gương, tỏ như đuốc, không giấu ai được, không dối ai được; dấu sự gì mắt không trông thấy, tai không nghe biết, mà thường-thường vẫn như có Trời ở trong.

Nay lại đem nguyên bản Nam-âm mà dịch ra quốc-ngữ, để trẻ con, người nhơn, trong buổi tân-học này, dễ xem dễ hiểu, dễ ghi dễ nhớ; thực là một cái gương sáng soi cho cả đồng-nhân, khuyên người làm phúc, bảo nhau ở lành, lành việc độc-ác, người người đều biết Âm-chất, thì người người đều có nhân-đức, chẳng cũng là một sự rất có ích-lợi cho ta lắm ru!

Xin ai đã biết quốc-ngữ thì cũng nên xem, trước là ích-lợi cho mình, sau là ích-lợi cho con cháu. Chớ cho là truyện huyền-hoặc mà không vun trồng cây đức, để bỏ mất quả phúc đi, mới là phải.

Nay tựa
PHẠM-VĂN-PHƯƠNG.

音解隲陰

ÂM-CHẤT GIẢI-ÂM

CHÍNH-VĂN TỔNG-LUẬN 93 TÍCH

Vâng lời Đức Đế-quân có chép,
Rắng: trong mười bảy kiếp hoá sinh,
Sĩ-phu mỗi kiếp là mình,
Chưa từng hà-ngược ức tình lại-dân;
Cứu cho kẻ gian-truân guy-cấp,
Thương kẻ cõi, không chấp kẻ lầm;
Làm điều âm-đức thường chăm,
Tắc-gang thấu đến muôn tần Cao-xanh;
Ai hay cũng như mình một dạ,
Ất Trời cho phúc cả dài lâu;
Vậy nên khuyên-nhủ mấy câu,
Để ai cũng biết, trước sau ghi lòng.
Rắng: Xưa có Vu-công trị ngục,
Cửa ngựa xe, để phúc cho con;
Ông họ Đậu, đức bắng non,
Sinh năm chồi quế, hãy còn thơm danh;
Tống-Giao có lòng lành cứu kiến,
Đỗ thấp mà nhắc đến khôi-khoa;
Thúc-Ngao giết rắn chôn xa,
Rồi làm Tề-tướng triều nhà Sở-vương.
Phúc như ruộng, muốn đường rộng-rãi,
Đất tấc vuông, âu phải mỏ-mang;

Làm điều phuong-tien thường-thường,
Làm âm-công phải sửa-sang nhũng gì?

Lợi nhân vật, lợi thì cho lợi,
Tu phúc lành, tu lại càng tu.

Thay Trời dạy-dỗ dàn ngu,
Hiền-lành vì nước, cứu cho dân nhờ;

Trung với chúa, hiếu thờ cha mẹ,
Kính với anh, tin kẻ tri-giao;

Hoặc là vâng đạo, chầu Sao,
Hoặc ra lê Phật, hoặc vào niệm kinh.

Bốn ân nặng, dặn mình phải nghĩ:
Nhất thời Trời, đệ nhị Quân-nhân,

Thứ ba thời nghĩa Song-thàn,
Bốn thời dạy-dỗ nên thân là Thày.

Trọng Tam-giáo: Nho này thứ nhất,
Lão là hai với Phật là ba.

Cứu cho nhũng kẻ bôn-ba,
Cũng như cứu cá cạn mà se vây;

Cứu nhũng kẻ chẳng may tắt-tưởi,
Như cứu chim mắc lưới ai giàng;

Thương kẻ cô, kẻ nhõ-nhang,
Kính người tuổi-tác, mà thương kẻ nghèo;

Cơm, áo, cứu kẻ kêu lưu-lạc,
Quan-quách chôn cho xác chần-truồng.

Nhà giàu nên đỡ họ-hàng,
Mất mùa, nên đỡ người làng, người quen;
Cân với đấu, nhắc lên băng-phẳng,
Chớ đầy voi, nhẹ nặng, lừa nhau!

Dung cho con ở, thằng hầu,
Chẳng nên xét-nét cơ-cầu nhở-nhen;
Khắc kinh sách, đem in các bản,
Hay chùa-triền, cũng gắng hưng công;
Kẻ đau, thí thuốc cho không,
Nước chè, cho kẻ ngày nồng đường xa.
Hoặc loài sống thả ra cho thoát,
Hoặc cầm chay, chờ sát sinh chi;
Dè chân từng bước bước đi,
E loài sâu-bọ, lỡ thì hại chăng.
Chó đem lửa đốt rừng lan-lái,
E côn-trùng sát hại xiết đâu!
Đuốc đưa cho kẻ đêm thâu,
Thuyền đưa cho kẻ sông sâu cách đò;
Lưới chim, chó rình-mò núi cỏ,
Thuốc cá, đừng đem bỏ đầu sông;
Trâu kia nặng-nhọc nghè nông,
Chó mưu khẩu-phúc, nỡ lòng bất nhàn
Giấy chữ có thánh thần ở đó,
Chó thị thường sé bỏ rơi ra;
Chó mưu lấy của người ta,
Chó ghen kẻ có tài-hoa, dơ đời!
Chó thấy vợ con người mà dỗ,
Chó xui ai cáo-tố cửa nhà;
Chó gièm danh-lợi người ta,
Chó làm trở-ngại hai nhà hôn-nhân;
Chó chấp lấy thù-hắn nhở-nhặt,
Xui-siểm ai trở mặt anh em;

Chớ trông thấy lợi mà thèm,
Xui ai con-cái ra hiềm-khích nhau.
Chớ len-lỏi hẫu-cầu quyền-thế,
Gièm-pha cho nhục kẻ ngay-lành;
Phú-hào, chớ cậy quyền-hành,
Toan mưu lẩn-lút hại quanh kẻ cùng.
Choi với kẻ thực lòng lương-thiện,
Quen thói dần cũng bén nết-na;
Thấy người bạc-ác nên xa,
E trong chớp mắt nữa mà vạ lây;
Hay ta nói, chẳng hay, mặc chúng,
Chớ miệng khen mà bụng chê-bai.
Đường đi chớ để chòng-gai,
Sỏi-sành cho sạch như lai kéo còn;
Sửa đường-xá chỗ mòn từ trước,
Bắc cầu cho suối ngược đều qua.
Bảo người cho đổi lòng tà,
Giúp người làm việc cho ra vẹn mười;
Việc gì cũng cứ trời thuận lẽ,
Nói sao cho mọi kẻ đều ưa!
Lòng thành tưởng-vọng người xưa,
Màm canh cũng ngõ, vách thờ cũng nghi.
Cắn hai chữ «Độc tri» trong bụng,
Từ trong màn, trong bóng trở đi;
Dữ thời chẳng phạm một li,
Lành thời một thi-thì-thi cũng làm.
Sao dữ, chẳng lum-lam trêu-quở,
Sao lành, thời gìn-giữ cho ngay,

Gần thời báo-ứng từ nay,
Xa thời con cháu mai ngày vinh-quang;

Xe bách-phúc tìm đường dẫn đến,
Mây thiền-tường kết phiến trên cao !

Có chăng mà vậy hay sao,
Chẳng vì phúc-ãm đem vào vậy thay !

Vâng Thánh dạy xưa nay tường-tận,
Nhưng lòng Trời bao hẳn tin ru !

Trông lên cao-tít mịt-mù,
Biết rằng báo-ứng những cho thế nào ?
Đoái xem truyện chép vào các sách,
Thời Trời tuy xa cách mà tin.

93 TÍCH SOẠN GIẢI RÔ-RÀNG LIÊN-TIẾP

1— Kia người Lâm-Kiều Bồ-điển,
Thấy dân sẻ núi thông thuyền đoái thương;
Tàu xin xá, Tống-hoàng chưa doãn,
Thiện-thần đà tàu đến Thiên-môn.

Phải khi bình đã mơ hồ,
Thiên-đình lại xá cho còn dư niêm.

2— Chàng Tô-Dĩnh quan lên Tam-phẩm,
Án Quế-châu không thẩm lời đoan,
Đem lòng «Quan lại vị quan,»
Xử hai nguyên-tố là oan cũng rầu !
Tô-Dĩnh chưa bao lâu bình-hoạn,
Khoa bói ra phi án hai tên !

Ngữ-thần (1) vẫn biết chẳng nên,
Nhưng cơ báo-ứng nhẫn-tiền chẳng chơi.

3—Chàng Thùa-Dật ở đời nhà Tống,
Qua phương-dân khi trống canh năm,
Bên cầu, nghe khóc lầm-dầm,
Hỏi ra: kẻ nợ ba trăm một nghìn;
Chốn quyền-thế van xin không được,
Liều mình trong sông nước cho xong!
Nghe lời thưa-gửi, thương lòng,
Đem về xin khế, mà chồng trả thay;
Lại cho cửa để gày vốn-liếng,
Cứu một nhà bốn miệng chu-tuyền.
Sinh ngay hai cháu khôi-nguyên,
Đất Ngô-hưng dựng ra nền văn-chương.

4—Chàng Tất-Đại coi trường Hoà-tế (2),
Kẻ lỡ tay làm để cháy lan;
Cứ trong luật-lệ thì oan,
Thương thay, hình-hiến còn hàn được chăng?
Đành chủ-thủ thời vắng chịu lỗi,
Gõ cho người khỏi tội thì thôi.

(1) Sách Luận- ngữ : « Tứ bất ngữ : quái, lực, loạn, thần. » Nghĩa là đức thánh Không chẳng nói những sự quái-gờ, sức mạnh-bạo, việc loạn-nghị, và truyện quái-thần huyền-hoặc.

(2) Hoà-tế là sở nhà điêu khắc để chữa bệnh, cũng như nhà Thương đời bây giờ.

Trở về đèn sách không dời,
Đỗ khoa Bác-học trên đồi nức danh.
Ấy bởi có lòng lành xui-khiến,
Dần-dần lên quan đến Công Khanh.

5— Họ Phùng kia ở triều Minh,
Trời đông mà bỗng hưng tình rong chơi;
Thấy có kẻ nằm phơi sương-giá,
Chẳng cứu cho dễ hoá ra ma!
Áo cùu mới cởi chần ra,
Đắp lên cho ấm may mà tinh-tang.
Chàng khi hãy muộn-màng nuôi-nắng,
Có lòng nhân, Trời chứng cho ngay,
Chiêm-bao thần báo cho hay:
«Hàn-Kỳ triều Tống mai ngày làm con.»
Tiền vàng chúa, nhà bồn tắm gội,
Nẫy chòi lan lại gọi là Kỳ.
Áo sam điểm dấu chu-y,
Bậc quan lên chức Hoàng-phi tốt-vời.

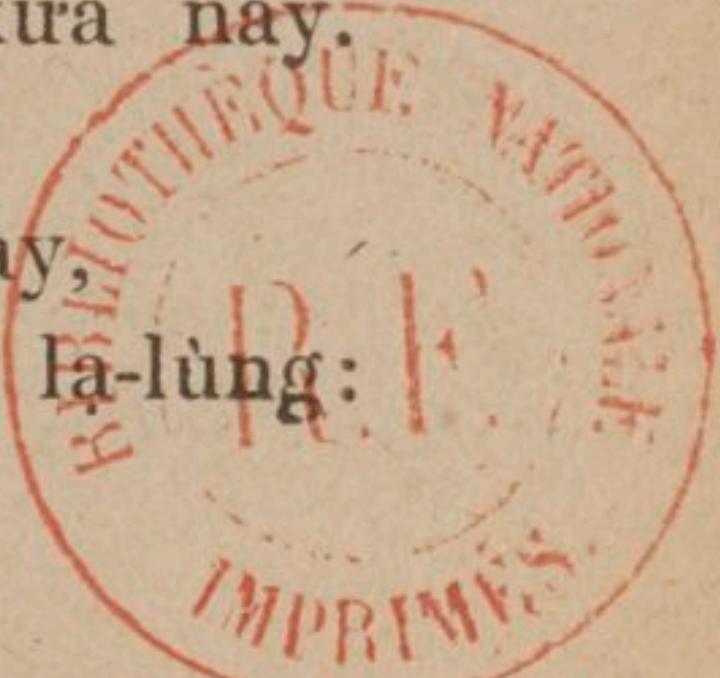
6— Ông Văn-Chính là người hiếu-nghĩa,
Một cửa sinh những kẻ trung-hiền;
Thuần-Nhân kia lúc đi thuyền,
Vâng lời phụ-mình xuống miền Đông-ngô;
Chở tư-phủ đem mua lúa mạch,
Thấy Man-Khanh họ Thạch ba ma.
Thương người nông-nỗi hàn-gia,
Gặp cơn-cớ ấy ai hoà giúp cho;

Nghe tiếng rẽ đêm thu thảm-thiết,
Như nhà Nghiêm có biết cũng thương;
Xa-xôi vâng chửa kịp tường,
Lúa đồng cho cả, chở đường về không;
Nhe trèo quế bơi dòng nước biếc,
Nặng buồm lan chở tiệc trăng thanh.
Về thưa tình-tự Man-Khanh,
Ông Văn-Chính cũng nặng tình xót-xa;
Tình chu-cấp khen đà phải nghĩa,
Đành Man-Khanh táng-tế chu-tuyền.
Giúp người ra bụng tự-nhiên,
Nên Trời cũng tựa cho nền tràm-anh.

7— Vương-Tăng ở kinh-thành đang học,
Nghe nỉ-non tiếng khóc gần-gần,
Hỏi ra có mụ đồng-lân,
Rắng: «chồng mang nợ quan-ngân chưa đèn;
Có một gái chưa nên gia-thất,
Phải chia tay bán đứt cho đi;
Bốn mươi lạng, có là chi,
Xót tình cá nước phân-ly nỡ nào!»
Mới trù-biện đem trao cho trả,
Để bạc đầu, đỏ má nuôi nhau.
Rồi ra thi đỗ Trạng đầu,
Đỉnh-trung cha trước, cơ-cừu con sau.

8— Thư-ông dạy ở đâu Hồ-quảng,
Được bạc ba mươi lạng về nhà;

Đường xa bỗng gặp người xa,
Hình-dong yêu-diệu nói ra bần-thần,
Rắng: « Ba nén phu-quân mắc nợ,
Phải bán mình để gõ cho xong,
Có đâu phụ-bạc cùng chồng.
Vì tiền bạc, để tơ-hồng bạc ra ! »
Nghe kẽ-lẽ nghĩ mà áy-nay,
Rắng: « Bạc đây nợ ấy là vừa ! »
Để cho toàn nghĩa tóc-tơ,
Đành mình tay áo gió đưa lại nhà.
Người chủ-quĩ lại là nhân nữa,
Sớm trưa không khói lửa đã lâu,
Nghe lời chàng nói trước sau,
Cứu ai, vâng cũng mặc rầu cứu ai !
Bữa tần-tảo rong-rài rau-cỏ,
Gọi là no là đủ qua lần,
Chồng nhân, vợ lại là nhân,
Trong đêm hôm ấy có thần báo ngay,
Rắng: « Cay-đắng năm nay rau-cỏ,
Quá năm sinh con, đỗ khôi-nguyên. »
Chàng Phàn, sinh được quả-nhiên,
Vừa năm Hoằng-trị đỗ lên bảng rồng.
Ấy là chuyện chửng cùng, cứu nạn,
Báo nhẫn-tiền nhan-nhản xưa nay.

9— Mẫn cô lại có truyện này,
Dương-châu đặt lệ mới hay ~~lã-lùng~~: 

Mấy người góp mồi đồng rươi bạc,
Tháng này luôn tháng khác như nhau;
Hoặc là có trẻ đàu đàu,
Như rồng lạc nạ, như trâu sênh đàn,
Tìm người chịu gian-nan nhũ-dưỡng,
Tính tháng ngày chuẩn-lượng dung-công,
Bù-trì chẳng quản ba đồng,
May ra cả nhón cũng trông ra người.
Đặt lê ấy từ người Thái-Liễn,
Xã Dục-anh còn truyện rành-rành.

10— Thể mà dễ biết nhân-tình,
Quân-Kỳ kia có một anh là Tường;
Tường lâm bịnh nghĩ thương mọi nỗi,
Lúc di-lưu mới gọi Kỳ vào,
Răng: «Anh một giọt máu đào,
Nhờ em, em giữ thế nào mặc em!
Gia-tài đó liệu xem gìn-giữ,
Nhờ em cho măng-sữa về sau,
Anh về chín suối là đàu,
Hồn anh còn nhớ ăn sau anh đèn!»
Nhời dối ấy nên biên giải áo,
Được lòng như Bá-Đạo (1) cho cam.

(1) Đời nhà Tần có giặc Thạch-Lặc vào ăn cướp. Bá-Đạo đem vợ con và con nhà em chạy loạn. Bảo vợ rằng: « Giặc cướp tợn quá, không thể đem cả hai đứa đi được, em ta mặc đi chỉ còn mình cháu, mà vợ chồng mình sinh đẻ còn nhiều, chỉ bằng ta bỏ con mà chạy lây cháu. » Người vợ bằng lòng nghe.

Nào ngờ Kỳ mỗng lòng tham,
Muru cho đứa cháu bắc nam cũng liều!

Của Tường đê bao nhiêu nhậu thầy,
Bốn năm năm đã thấy sinh-sôi;

Nghĩ Trời, Trời cũng xa-xôi,
Tưởng anh, anh mất thì thôi biết gì.

Bỗng tiệc khách đương khi nhàn-hạ,
Hồn Quân-Tường hiện hoá đâu vào;

Quân-Kỳ vừa cất miệng chào,
Bỗng đâu máu đồ ào-ào như rong!

Thầy Đỗng⁽¹⁾ chữa, được không không chữa,
Lã-Bảo⁽²⁾ khôn, khôn nữa mà khôn!

Thương người dành-xếp cho con,
Nào người tham của, của còn được chăng!

11—Người Cường-Phú thực răng nhẫn-nhục, Tiết đầu năm đương lúc hề-hà;

Bỗng nghe tiếng dữ xa-xa,
Dỗi-thoi đi đến trước nhà ỏi tai,
Chẳng là phật, chẳng ai chẳng giận,
Thế mà chàng ần-nhẫn như không,

(1) Nam-giao Học-tồ bệnh sắp chết, có người tiên là Đỗng-Phụng đèn thăm, cho một viên thuốc, vừa bò vào miệng thì sòng lại, rõ thó đèn 90 tuổi.

(2) Anh Lã-Bảo là Lã-Ngọc đi tìm con, ba năm không thầy về. Bảo chắc là anh chết, đem chị dâu là Vương-thị bán vụng cho lái buôn; đêm, lái buôn lại đón thi Vương-thị tự-ài. Vợ Bảo là Biên-thị vào cứu, lái buôn tưởng là Vương-thị cướp đem về. Khi anh trở về, Bảo hẹn quá phải tự-tử.

Dẫu chờ trận lửa đùng-đùng,
Đất không mà cháy đến cùng thời thoi.
Kìa ai ngửa lên trời, phỉ-nhồ,
Chẳng vào đâu lại giở vào mình;
Bưng tai hãy ngảnh làm thinh,
Gió đưa thoang-thoảng ra lành phải nao!
Đêm thấy bóng tử-bào đến dặn,
Rằng: « Chẳng ai ần-nhẫn như ngươi;
Trời cho sống tâm chín mươi,
Con con, cháu cháu đời đời hiển-vinh. »
Rồi được thọ, được danh, được lộc,
Quả như lời trong lúc chiêm-bao.

12— Phùng-thương kia muộn-mẫn sao?
Năm mươi mà chưa độ nào treo cung,
Người nội-trợ chiều lòng kiếm chước,
Mặc dầu đem vàng bạc đi kinh;
Mua người hầu, độ xuân xanh,
Coi người cũng đáng mà tình nên thương;
Khi giao khoán, vắng chàng trở gót,
Một bước là một giọt chàu sa.
« Thơ đào vịnh chữ nghi-gia,
Nhân sao ủ-rột mầu hoa hối nàng? »
Rằng « Thân-phụ mắc lương trăm hộc,
Kêu chẳng ra tiếng khóc Đề-Oanh (1);

(1) Thuần Vu-Ý làm quan Thái-thương-lịnh nhà Hán, phải tội xử-tử, con gái là Đề-Oanh dâng thư xin chuộc tội cho cha, vua Văn-dè thương tình, hạ chiếu bỏ phép nhục-hình.

Tội gì cho phải lụy mình,
Tội vì nhà sạch-sành-sanh lấy gì !
Chẳng phải bán mình đi khơi gián,
Hoạ gỡ cho qua nạn được chặng !
Đoái trông non nước khơi chừng,
Lòng nào như lửa bùng-bùng chẳng thương ? »
Nghe kẻ nỗi đoạn-trường phải xót,
Giở khoán ra cho đốt đi ngay.
« Miễn cho qua nạn là may,
Cho nàng trở lại, mà đây trở về. »
Đành áo cảo khăn cơ rầu-rãi,
Lại là sư với vai ưa nhau,
Nhờ Trời, chẳng trước thời sau,
Lọ là kiêu-hanh mà hầu-hạ chi !
Khen gia-thất xương-tùy cũng thuận,
Chẳng một lời ân-hận như ai.
Rằng: « Trời báo-ứng chẳng sai,
Nhưng châu chưa nở vì chai chưa già ! »
Khấn làm vậy rồi mà như vậy,
Đôi ba trăng quả thấy điểm lan.
Người người trong giấc mộng tàn,
Đều mơ tiếng sáo, tiếng đàn tự-nhiên,
Có tiếng nói: « Trạng-nguyên xuất thế, »
Lúc bấy giờ là đẻ Phùng-Kinh,
Tam-nguyên chiếm bảng phong-dịnh,
Biết là bõ đức sinh-thành bao nhiêu !

13—Chàng họ Ứng khi nghèo đi học,
Việc người mà săn-sóc ra công;

Có người giữ đạo tam-tòng,
Chẳng may gặp phải người chồng bèo mây.
Chờ tin nhạn một ngày một lạnh,
Giở gương loan đói mảnh đói no,
Đợi chồng dành lẽ đợi trời,
Cho qua ngày bạc, chẳng rời lòng son.
Trách người chẳng nghĩ con lành dữ,
Chẳng thương dâu cúi ngửa phụng thờ,
Giập-dìu cá đón, nhạn đưa,
Đàn ai, muốn đổi phim tơ cho nàng.
Lòng nàng nghĩ duyên chàng đã lỡ,
Toan liều mình treo cửa Cung-Khương (1).
Chữ đồng như lối đạo thường,
Mặt nào còn xuống suối vàng thấy nhau.
Chàng họ Ứng trước sau nghe biết,
Giận bên chồng, thương tiết người dâu;
Chặt tay (2), cắt mũi (3) nào đâu,
Nay trinh-tiết ấy dễ hầu có ai !
Về bán ruộng được vài bốn lạng,
Phỏng người chồng tình-trạng viết ra.

(1) Thè-tử nước Vệ là Cung-Bá mồm sớm, vợ là Cung-Khương thủ nghĩa, cha mẹ bắt ép cài-giá, nàng nhất định không nghe, làm ra thơ « Bách-chu » để tỏ ý mình, thể đèn chèt cũng không lày chồng khác.

(2) Vương-Ngưng mồm tại chỗ làm quan, vợ là Lý-thị đem xương chồng về quê, trời tối vào trọ nhà hàng, chủ hàng dắt tay kéo ra không cho trọ, Lý-thị lày làm thát tiết với chồng, bèn cầm búa chặt cánh tay.

(3) Tào-Thúc goá chồng, cha ép cài-giá, nàng cắt mũi thế không tày ai.

Mượn người đến hỏi thăm nhà,
Rắng tờ, rắng bạc từ xa gửi về.
Làm tin dối cho nghe ngõ thật,
Đè lòng người tòng-nhất cho cam;
Cho người chót mống lòng tham,
Thấy tin mà vẹn đạo làm mẹ cha.
Nào ai biết xui ra kẻ ấy,
Đi bao lâu xảy thấy trở về,
Bề non, gắn lại lời thề,
Hai thân tinh giắc phản-lê⁽¹⁾ cũng đành.
Trời đền kẻ doan-trinh phúc cả,
Nhưng vì ai tạo-hoá nhân-duyên,
Vì người đem dạ chu-tuyền,
Xe duyên sõc-nồi mà nên cửa nhà.
Trời đất chứng cho là thực-đức,
Hội tao-phùng lên chức đỉnh-thai.
Cho hay hương-lửa duyên ai,
Nên se-buộc lại, chờ bài-bác ra.

14—Đời Đường có một nhà giàu thịnh,
Là người Lưu Hoằng-Kinh phải chăng?
Có người coi tướng thưa rằng:
« Như người niêm thọ sao bằng người ta!
Dăm tuổi nữa may ra mới được,
Tướng sà-hành tước-dược⁽²⁾ khôn qua, »

(1) Người ngày trước có con đi xa vắng, nằm mơ thấy chia quâ

A. Thấy đoán đoán là triệu gấp con, vài hôm người con về thực.

(2) Sách tướng: đi như rắn, nhảy như chim sẻ, là tướng chèt non.

Nghe lời thuật-số nói ra,

Nhưng nhiều lời nói e mà tin chẳng !

Lòng Hoảng-Kính lập bằng nghĩ-ngợi,

Nợ Tử-Bình (1) lo nỗi về sau,

Trai sinh, phải chọn người dâu;

Gái sinh, cũng phải tìm hầu-hạ cho.

Năm bầy nén đem mua một ả,

Để con, khi xuất-giá thời theo.

Được người vận mặc tiêu-diều,

Mà coi đi đứng ra chiều quan-gia;

Ngờ, đem truyện lân-la mới hỏi,

Thưa rằng: « Xưa tên gọi Phương-Lan,

Tủi mình mang dấu y-quan,

Cũng mong đợi phượng, chờ loan kịp thì,

Chim Việt bỗng phải khi sang bắc,

Nghĩ nỗi nhà một khắc nào an,

Trời sao nỡ phụ hồng-nhan,

Nỗi cơn sóng gió cho tan mây bèo !

Lòn-bơn chịu một chiều chìm nỗi,

Theo nước đâu có lối thời đi,

Khuôn nhà đã thuộc-thành gì,

Nhờ người dạy-dỗ cho thì là may ! »

Nghe kể-lẽ truyện này truyện khác,

Nghĩ: « Tình người lưu-lạc mà thương,

Tranh kia rách hãy còn xương,

Bình kia dẫu hãy còn hương ngọt-ngào.

(1) Đỗ Tử-Bình dựng vợ già chồng cho con trai con gái dâu dày, vượt thuyền đi chơi Ngũ-hồ rồi không biết đâu mất.

Nỡ đâu để ngọc vào só tối,
Thôi ta nuôi mà gọi là con,
 Coi trăng rằm đã vừa tròn,
Nhờ ta, không lẽ để còn nhở ai !
 Chọn lấy kẻ vừa đói phải lúra,
 Của hồi-trang hãy sửa-sang cho.
 Con ta dành chốn hẹn-hò,
Sắm-sanh mai mốt có lo thiếu gì ! »
 Cứu lấy kẻ lưu-ly làm phúc,
 Chẳng tình trong cốt-nhục mà thương,
 Lòng nhân thấu đến Xanh vàng,
Trời cho được chữ thọ-khang hơn người.
 Con cháu trải ba đời sang-trọng,
 Tai-ương như lá rụng ngày sương,
 Chữ rằng: « *tích thiện dư khương,* »
 Nào ai nói tướng « *Liễu-Trang* (1) » lầm điều.

15 — Truyện trị ngực ở triều Tây-Hán,
Ông Vu-công cầm án tra tù,
 Có nàng giữ tiết tòng phu,
Buồng sương hai chữ bách-chu thề lòng ;
 Thề hiếu dưỡng mẹ chồng cho vẹn,
Đứt đàn thôi chẳng bén keo loan.
 Mẹ chồng thương nỗi cô-dan,
Liều mình để đổi phím đàn cho dâu ;

(1) *Liễu-Trang* là sách xem tướng, của *Liễu-Trang* tiên-sinh làm ra.

Người coi án nồng sâu chẳng biết,

Khép án ra: đâu giết mẹ chồng.

Vu-công đã biết thủy chung,

Lòng đen nào rõ má hồng phải oan!

May mà, được có quan thay đổi,

Đem án ra thưa nỗi oan-khiên,

Đã không giải kiếp trần-duyên,

Thời xin giải kiếp về miền Vân-hương.

Lập đàn tế cho nàng giải-thoát,

Nắng ba đông một thoát mưa dào,

Lòng nhân thấu đến trời cao,

Suy ra các án, án nào còn oan.

Đời những kẻ ngay gian phải phục,

Biết đời sau phúc lộc đổi-dào,

Công ngăn làm sẵn rộng cao,

Sinh con xe ngựa ra vào nghênh-ngang.

16—Truyện tể-cấp là chàng họ Đậu,

Tuổi ba mươi năm cậu chưa sinh;

Chiêm-bao kia mới giật mình:

Sinh nhi cũng ít, hưởng linh chẳng nhiều.

Dần, dạ gắng làm điều thiện-sự,

Xá cả cho nhà nợ trăm nghìn,

Được vàng rơi ở chùa-triền,

Chực mà trả kẻ oan-khiên chuộc mình.

Nào những kẻ chưa thành gia-thất,

Lẽ cưới xin, ứng xuất tiền ra,

Những người tang mẹ, tang cha,

Sắm-sanh lê-vật cho mà trị tang.

Trong đầy-tớ, họ-hàng, bầu-bạn,
Xuất vốn cho buôn bán tây đông,
Những là đai kẻ khốn-cùng,
Nàng hầu nàng hạ cũng không lượt-là.
Lại mua sách, làm nhà giảng-tập,
Nuôi học-trò, cho lập công-danh,
Chăm-chăm một dạ làm lành,
Xanh-xanh kia đã chứng minh cho rồi.
Đan-quế nẩy năm chồi tươi-tốt,
Trước sau cùng nối gót đăng khoa;
Nam-tào thêm tuổi Đông-hoa⁽¹⁾,
Tám mươi hai mới lại nhà thong-dong;
Tám cháu lại theo dòng nghiên bút,
Nền trâm-anh cao ngút non Yên.

17— Truyện xưa cùu kiến còn truyền,
Tống-Giao học với em tên là Kỳ;
Kỳ, tướng-mạo dẫu thì đáng Trạng;
Tống-Giao coi hình-dạng thua xa,
Tống-Giao gặp buồn ưa là,
Trời mưa sập-sã trong ba bốn ngày;
Có tồ kiến ở ngay dưới giọt,
Nước tràn vào, khôn lối tránh đâu,
Lấy que mới bắc làm cầu,
Để cho lũ kiến theo nhau được tuyển.

(1) Đông-hoa là số chua tuổi người thọ, yêu.

Cứu được mạng trăm nghìn vạn ức,
Sự nhỏ-nhen mà đức hiếu-sinh.

Rồi mà thấy nhuận trong mình,
Xui ra biển tướng biển hình xưa đi;
Định khoa thứ Tống-Kỳ đệ-nhất,
Tên Tống-Giao phải truất xuống xa.

Tàu lên Hoàng-thái nghe qua,
Phán rằng: « Sao để em mà trên anh? »
Truyền đổi lại tinh danh trên bảng,
Nhắc Tống-Giao làm Trạng Khôi-khoa.
Anh em là nghĩa trong nhà,
Định làm khoa thứ, có là Trời không?

18— Thúc-Ngao vốn cầm lòng chẳng mẩy,
Nghe rắn thần hẽ thấy thì ngày,
Nghĩ mình thôi đã chẳng may,
Để ra e nữa hại lây đến người.

Liều mình đánh, chôn nơi xa giàn,
Rồi lại lo: sao nạn cho qua?

Khen người mẹ tuổi-tác già,
Biết con có đức, ăn là không nguy!
Sau chàng Thúc tới kỳ gấp-gỗ,
Hội rồng mây nước Sở vua Trang,

19— Có người xưa ở đời Đường,
Lý-Thân kia có một chương thơ rằng;

Rắng : « Đem thóc trong thung lũng rắc (1),
Một hạt ra muôn hạt tốt tươi,
Cấy không bỏ sót ruộng trời,
Mà nhà nông vẫn có người chẳng no !
Cơn nắng lửa như lò cháy đốt,
Một bát cơm mẩy bát bồ-hôi.
Được ra hạt gạo mà coi,
Cầy mây cuốc nguyệt, mẩy hồi gian-nan ! »
Ý những nói dân-gian cần-khổ,
Nào sự chi cho rõ là nhân,
Thế mà nỗi dấu quan-thân,
Bởi trong lòng những lấy dân làm lòng.

20—Kia họ Phạm có ông Văn-Chính,
Đất Nam-viên đã định làm dinh,
Nghe rằng là kiều Công-khanh,
Làm dinh-cơ để riêng mình là tham.
Mới dâng biểu tấu làm học-xá,
Để học-hành tiện cả một phương,
Gãm xem tâm-địa khác thường,
Như âm-đức ấy ngôi dương nào tày.

(1) Chính chữ nho bài thơ này rằng : 春 種 一 粒 粟, 秋 成 萬 顆 子, 四 海 無 閑 田, 農 夫 猶 餓 死, 麉 禾 日 當 午, 汗 滴 禾 下 土, 誰 知 盤 中 餉, 粒 粒 皆 辛 苦. Xuân chủng nhất lạp túc, thu thành vạn khoả tử, tứ hải vô nhàn điện, nông-phu do ngã tử, sù hoà nhật dương ngọ, bân trích hoà hạ thổ, thùy tri bàn trung sôn, lạp lạp giai tân khổ.

Khoa-mục giỗi sau này mãi-mãi,
Bởi phúc-diễn rộng-rãi thênh-thênh.

22 — Viên-An tra ngục Sở-Anh.

Tha hơn nghìn kẻ oan-tình phải lây.

Kẻ tang-hối chẳng may mang lỗi,

Cũng chưa từng buộc tội cho ai.

Nhờ Trời hưởng phúc lâu dài,
Đời mình rồi lại bốn đời Tam-công.

21 — Đời Đường có truyện ông Bùi-Độ,

Ở ngôi quan Lại-bộ Thị-lang,

Những người trong áng danh-cương,
Một ti, nửa cấp rọng đường bao-dong.

Ai cũng phục là lòng hoằng-đạt,

Chẳng khắt-khe hạch-sát chi ai,

Lợ là từ thuở làm trai,

Thấy bao đựng ngọc giát đai trong triền.

Người có của mà quên cũng lạ,

Giữ-gìn xem để trả cho ai,

Có người mang tội sảnh-tai,

Cho con khấn đức Như-lai hộ-trì;

Chẳng may đứa nǚ-nhi thất-thố,

Khấn nơi đây lại bỏ nơi đây,

Thương người vạ gió tai bay,

Dẽ len các tia mà lay cửa vàng.

Trả cho để tìm dảng che-chở,

Nỗi khiên-liên được gõ cho xong,

Ngọc vàng nào phải lông hồng,
Vật coi là vật cũng không trọng gì;
Ấy tướng-mạo đâu thì nhỏ bé,
Nhưng lòng thiêng ai vẽ cho nên,
Công-danh phúc-lộc vẹn-tuyền,
Nền cao-hoa vẫn vững nền cao-hoa!
Chợ biết đạo trời là phúc thiện,
Tướng tâm hơn tướng diện phải chẳng?

23— Làm nha có gã Tự-Chừng,
Gìn lòng như đứng trên băng rập-rình ⁽¹⁾.
Từng dẫn chữ « *Đắc tình vật hỉ.* »
Khuyên quan trên phải nghĩ cho dân,
Rắng thanh, rắng thận, rắng cẩn,
Tang-tư, thè chẳng một phân li nào!
Người nội-trợ lại bao-dong nữa,
Đứa tội-tù đòi bữa nuôi cho.
Phận làm nha-lại nhỏ-nho,
Sinh con khoa-hoạn nghè nho rầm-rầm.

24— Chàng Trọng-Phụ nhân tâm hiếm có,
Đêm tân-hôn giấc ngủ mơ-màng,
Có người quân-tử trên giường ⁽²⁾,
Bắt xem, ra kẻ ngày thường đã quen.

(1) Cỗ-ngth: « Bảo án lại tòng băng thương lập. » Nghĩa là người lại giữ án run sợ như đứng trên mặt vách nước.

(2) Trần-Thực thầy kè trộm ăn trên giường nhà, chờ bão con cháu : dùng học người quân-tử ở trên giường nhà kia.

Là nhân loại mà quên liêm-sỉ,
Thấy bần-cùng thì nghĩ lại thương,
 Ném cho mấy chiếc trâm vàng,
Khuyên cho đổi nết tìm đàng sinh-nhai;
 Lờ đi để cho ai tủi-nhục,
 Cũng là lòng tu-phúc suy ra.
 Tám mươi chín tuổi về già,
Vui con xe ngựa, đầy nhà trâm-anh.

25—La-Luân, thuở đăng trình thi hội,
Đường Thần-kinh qua lối Sơn-đông,
 Theo chân có đứa hề-đồng,
Của đâu quán-xá được vòng vàng rơi.
 Người mất của rụng-rời phảng-phất,
 Tra tó-thay khắp mặt ngay gian,
 Mười ngờ, oan thực là oan,
Đứa liều rơi vọt, kẻ toan suối rùng,
 Khi chàng đã tới chừng quán trọ,
 Đứa hề-đồng mới giờ vàng ra;
 Sơn-đông mấy dặm đường xa,
Của ai đâu lại đem mà trả ai.
 Sá chi của đánh rơi nhiều ít,
 Tham gì cho hại thiệt người ta!
 Nếu mà ngại dặm đường xa,
Thì nhà kia mắc oan-gia còn gì!
 Lòng Trời tựa đến khi định-đối,
 Tên bảng vàng chơi-chơi mây xanh.

Cho hay những kẻ làm lành,
Bao giờ cũng được hiển-vinh hơn người.

26—Chàng Dương-Bảo tuy người còn bé,
Mà lòng nhân đã kẻ nào hơn!

Hiếu-sinh từ lúc trẻ con,
Năm lên chín tuổi hãy còn dong-chơi;
Thấy chim sẻ lông rơi cánh rã,
Đem về nuôi lại thả bay đi.

Trẻ chơi nào biết nhân gi,
Nhưng lòng bất-nhẫn, ấy thì là nhân;
Nên mới gặp quỉ-thần sự lạ,
Cơ hàn-sinh vũ-hoá khôn suy;
Rồi ra thấy khách Hoàng-y,
Răng «Này là sứ Giao-trì báo ơn,
Đức Vương-mẫu đang cơn sai-vãng,
Nạn chim hâu bảo-dưỡng chu-tuyền;
Ngọc này là của thần-tiên,
Đem đây bốn chiếc, gọi đèn ơn sâu;
Nguyện con cháu mai sau phúc trạch,
Như ngọc này khiết-bạch tinh-hoa.»

Rồi chàng Dương-Bảo một nhà,
Bốn đời khanh-tướng có là lạ không?

27—Tù-ông dốc một lòng tu phúc,
Ba mươi năm không lúc nào quên;
Ma đâu đến cửa thề-nguyễn,
Răng: «Không một vạn một nghìn đối ai.

Nhà này có Tú-tài ứng-cử,
Bảng Thiên-đình tinh tự phân-minh. »

Quả-nhiên khoa ấy thành danh,
Ma đâu lại đến gọi mình báo tin,
Lại rắng vạn, rắng nghìn báo trước:
« Đỗ rồi, làm đến tước Đô-đường. »
Nói ra tưởng sự hoang-đường,
Nhưng rồi chàng quả rõ-ràng công-danh.

28—Chàng Vương-Cáo đem mình hồ khẩu,
Nhủ đồng-mông theo dấu gia-tiên;
Cửa huỳnh rèn-cặp sách-đèn,
Quyền vàng dẫn bảo nghĩa đen kỹ-càng;
Bên án tuyết mơ-màng giấc ngủ,
Thấy Hồ-Tăng đến nhủ căn-do,
Rắng: « Ngươi mở lối rừng nho,
Cũng không lẫn chữ « Đô đô trương bình. »
Trời cho được chữ danh, chữ lộc,
Dẫn cho nghe đề-mục kim-khoa,
Rắng: « Nhạc-diệu từ thời hoà, »
Tỉnh lên chàng thử soạn ra một bài.
Rồi ứng-cử chẳng sai như vậy,
Bút long-sà vùng-vây phong-vân;
Trời không phụ kẻ văn-nhân,
Đền công nghiên-bút, dự phần y-quan.
Sự dạy học phải nên dạy kỹ,
Chữ « Hợi 猪 » hay chữ « Thi 牛 » chó lầm,
Chữ « Đào 陶 » so với chữ « Âm 隅 »,
Viết chân, viết thảo chăm-chăm kéo mà!

29—Tào-Bân thuở can-quá trình-chiến,
Thề ba quân đốt nén hương lên,
Cứu cho muôn mạng an-tuyền,
Trai tài tướng-suý, gái hiền cung-phi.

30—Lòng Lý-Thiện trung-nghi ai ví,
Là quân hầu họ Lý tên Nguyên;
Gặp khi lê-dịch lưu-truyền,
Nhà người Nguyên hại về quyền Đài-thai (1).
May còn chút con trai là Tục,
Trời còn cho dễ phúc về sau;
Ai hay một lũ quân hầu,
Bảo nhau hại nốt, chia nhau gia-tài.
Thương thay đứa mười hai tuổi bé,
Trước sau còn ai kẻ thương không!
Vì dù trời chẳng thương lòng,
Thì thôi họ Lý còn mong nỗi gì!
Khen Lý-Thiện đem đi ăn tránh,
Ngụ am danh trong đỉnh ngàn cây;
Nghĩ thày, giữ lấy con thày,
Mười năm nào biết tháng ngày là đâu!
Trời cũng chứng qua mau hoạn-nạn,
Đem nhau về huyện-doãn trình thưa;
Huyện-quan Ly-Ý xem tờ,
Thấy trong tình-tự sau xưa giật mình.
May mà giữ có lành kéo lại,
Là Trời không nỡ hại người ta!

(1) Đài-thai là thân làm bình.

Lũ hầu cho trát đòi ra,
Chiếu trong thập-ác mà gia trọng-hình.
Đem chàng Tục tính danh tâu cử,
Chiếu cho làm Thái-tử-xá-nhân;
Cây kia siêu-đổ mười phân,
Chồi non lại mọc tần-vần hơn xưa.
Lý-Thiện dốc lòng thờ một chủ,
Được phong làm Thái-thú Giao-nam;
Lòng trung không chút lòng tham,
Đã toàn nghĩa tú cũng cam còng thày.

31—Đỉnh-Thần những từ ngày tẩm bé,
Lòng sự thân chưa dễ ai qua;
Khấn Trời đổi số Đòng-hoa,
Tuổi mình xin bớt cho nhà linh-thung.
Cơ cảm-ứng có không không có,
Rồi Đỉnh-Thần thấy đỗ Tam-khôi;
Cha già tóc bạc da mồi,
Gọi ơn vũ-lộ đầm mùi đỉnh-chung.

32—Kia ai ở ra lòng thảo-thuận,
Có tên Hoàng Sĩ-Tuấn triều Minh,
Khoa thi dạo bước Thần-kinh,
Nửa đường nghe thấy tin anh trở về.
Cho rằng hội hoa hoè⁽¹⁾ đua nở,
E hoa đường⁽²⁾ gió quở mưa trêu,

(1) Hoa hoè là việc thi-cử.

(2) Hoa đường là nói nghĩa anh em.

Chồi kinh vun lại một chiều (1),
Vừa năm Vạn-lịch, tên nêu bẳng vàng.

33— Chàng Ân-Qui buông-tuồng ngọa-nghẽ,
Nhường lê không bẳng trẻ thơ-ngây,
Há rắng nấu đậu đun cây (2),
Nỡ nào khinh-dễ xưa nay lắm điều.
Bất-kỳ bỗng hồn siêu phách lạc,
Thở-thần đem hình-phật phân-minh,
Giáo hình một trận lôi-định,
Truyền cho hai chữ «*kinh huynh*» tha về.
Nếu hiển-ứng sự gì cũng thế,
Ất trong đời không kẻ thương-luân,
Huyền-vi thay, đạo quỉ-thần,
Ngỡ không nhưng có, tưởng gần mà xa !

34— Chơi với bạn ở ra thực bụng,
Chàng Tam-Lang nước Tống, nên khen,
Có người thương nỗi con hèn,
Đem vàng nghìn nén cây gìn-giữ cho.
Nhà ấy trải mấy thu giàu bể,
Đứa bồ-côi xiết kẽ gian-truân !
Đem vàng trả đủ nghìn cân,
Dụng cho cơ-chỉ mười phần như xưa.

(1) Anh em họ Biển chia của, cây kinh tự-nhiên khô héo, không chia của nữa thì cây lại tươi.

(2) Thơ của Tào-Thực: «Chữ đậu nhiên đậu cơ, đậu tại hũ trung khắp.» Nghĩa là: Nâu đậu đun bẳng cây đậu, đậu ở trong nồi khóc.

Tình bằng-hữu cũng chưa có mẩy,
Nói trước sao sau vậy không sai !
 Sinh chàng Trọng-Viễn là trai,
Cửa bồng sáng vẻ cân-đai rõ-ràng.

35—Kia ai giữ lòng thường trung-hậu,
Lẽ toà sao Bắc-đầu hôm mai ?
 Là Từ-Trinh đó chớ ai,
Nhờ Trời, phải lúc phi-tai lại lành.

36—Kia ai dốc lòng thành phụng Phật,
Tụng Kim-cương không mất câu gi,
 Là Triệu-Xương ở đời Tuỳ,
Đâu khi hoạn-nạn rồi thì lại qua.
 Ất hai gã đều là trân-thật,
Cho nên rằng Trời đất chứng-minh,
 Nhiều người đâu muốn tụng kinh,
Muốn trầu sao Đâu mà lành được chăng !

37—Người Thiên-Tướng lòng hẵng ngay-thảo,
Nghĩa tú-ân dạy bảo ân-cần,
 Rằng: « Người trong cõi phàm-trần,
Vì đâu mà được nêu thân làm người ?
 Có tri-thức khác loài súc-vật,
Phải nghĩ trong bốn đức cao-xa, »
 Nhủ đường trung-hiếu một nhà,
Trời cho con cháu đều là hiền-vinh.

38— Đời Tống có ông Trịnh Nhất-Đức,
Học ít mà ra sức làm lành,
Nghe lời Tam-giáo giảng minh,
Hưng công khắc bản ấn-kinh cho người.
Lòng khuyến-thiện, khi Trời soi biết,
Xui khiến ra học ít mà hay,
Giỗi sinh con thịnh cháu đầy,
Đã thầy Minh-Đạo, lại thầy Y-Xuyên.

39— Thạch-sinh ở đất Tiền-đường nọ,
Thấy Triệu-Khuê bé-nhỏ bơ-vơ!
Nghĩ tình con bạn mình xưa,
Đem về nuôi-nắng cũng như con mình.
Rồi ứng-cử đề-danh tháp nhạn,
Con mình cùng con bạn đồng-khoa.
Cho hay báo-ứng không xa,
Thương người, Trời lại thương ta thiệt gi!

40— Lại nhớ tích Chu-Ti thuở trước,
Lòng kính già, ai được như ông;
Một ngày thuyền vượt qua sông,
Gặp cơn sóng gió nhưng không đắm thuyền.
Tưởng là cũng ngẫu-nhiên được khỏi,
Nhưng Ngư-ông có nói căn-nguyên,
Rằng: « Thần toan hại cả thuyền,
Nhờ người kính lão là tên « Bát-Đồng. »
Hỏi mới biết tên Đồng không có,
Ra chữ « Đồng 同 » bớt số là « Ti 同, »

Một người kinh lão là chi,
Thoát hai mươi mạng trong khi phong-dao.
Trong những truyện chiêm-bao nhiệm-nhặt,
Nhẽ nào ai đơm-đặt làm chi!

Cho hay kiêu-ngạo hay gì,
Người mà biết kính sự gì vẫn hay!

41— Người lấy đức mà soay Tạo-hoá,
Ông Liễu-Phàm bụng dạ ai bằng!
Có người nói số xưng-xưng,
Thợ rắng ít thợ, con rắng ít con,
Nghĩ Trời đã cho còn trí-tuệ,
Há mình như những kẻ phàm-phu!

Những người cứ số là ngu,
Mình thời lấy đức mà tu với Trời!
Tuổi đã đến ba mươi còn hiếm,
Mới sinh ra chàng Nghiêm-nhược-Ti,

Lụa, là nhà chẳng thiếu chi,
Cho con vận mặc những thì vải to.

Bán lụa đắt, để mua vải rẻ,
Bớt ra cho những kẻ chần-truồng,

Người dung mà cũng là thương,
Gây nền âm-đức, rộng đường bao-dung.

Mình tuổi-tác thong-dong cõi thọ,
Con trẻ-trung dự đỗ khôi-khoa,

Ấy là phúc tự mình ra,
Những lời số-mịnh kia là hoặc-nhiên!

Có nhìn chữ đặt tên mới biết,
Liễu-Phàm là bỏ hết lòng phàm;
Cho hay báo-ứng chẳng nhảm,
Không thì ai rủ nhau làm phúc chi.

- 42**—Lưu-Kha vốn vui đi đạo phật,
Dâng quyền kinh khuya-khoắt ba canh;
Mơ-màng thấy một thư-sinh,
Răng: «Xưa tòng học ngũ minh ở đây,
Cơ nhất-đán chẳng may thiên-cồ,
Vùi-dập bên cửa sổ đìu-hiu;
Bè từ thương lấy phận bèo,
Bụi nào dám phụ ơn đèo Thái-san! »
Nghe trong mộng thở-than cũng xót,
Nhẽ nào không cứu vớt đi cho!
Cỗi sa, nhặt nắm xương khô,
Tim đồ thiêng ấy đã nên cảm-động,
Mơ-màng như mọc sống lên ngay,
Trứng gà ba chiếc nâng tay,
Răng: «Ân đây gọi đến đây tạ tình. »
Sư vâng chịu, thấy mình khuây-khoả,
Lòng hôn-mê sẩy hoá thông-minh!
Chán ngay mõ kè chuông kinh,
Giã thuyền-môn, đến cửa Trình sân Chu.
Nghè nghiên-bút láng nho phải nhượng,
Dấu dà-sa bén-bảng chu-y,
Ấy là thương kẻ lưu-ly,
Lòng nhân nào có mong gì trả ân.

Nào biết sự quỉ-thần cảm-cách,
Xui khiến ra bỏ Thích về Nho;
Chớ ai rằng cảnh phù-du,
Hê ra áng cỏ xanh mù là không.

43— Lại dẫn truyện Phạm-công Văn-Chính,
Xót người trong đồng-tinh đồng-tông;
Đã hay năm thứ, ba giòng,
Nhưng xưa một giọt cũng chung máu đào;
Người vinh-đạt, người sao lam-lũ?
Nghĩ tình trong máu-mủ mà thương!
Đặt ra trăm mẫu nghĩa-trang,
Trăm năm truyền để họ-hàng cầy chung.
Thuần-Nhân lại một lòng kế-thuật,
Ruộng Nghĩa-trang thêm rất nhiều ra;
Cứu nhau trong nghĩa ruột-già,
Chẳng anh nhà Sở, em nhà Tần đâu!
Ruộng có đó mai sau vẫn đó,
Chẳng còn e trong họ ai nghèo;
Một giòng phúc-trạch dồi-dào,
Trời cho hiển-đạt lũy triều vinh-quang.

44— Ông Trương-Vịnh làm quan Huyện-tề,
Mơ thấy Hoàng Kiêm-Tế quan sang;
Xét xem âm-đức của chàng,
Vì lòng trân-thực không tham của trời.
Đong thóc rẻ đoạn rồi cao giá,
Đem bán đi cũng hạ như xưa;

Chẳng cho kẻ thiếu người thừa,
Thế mà kẻ khó được nhờ chan-chan !

Nên Trương-Vịnh thở-than là đức,
Mà họ Hoàng quan chức vinh-quang.

Trong cơ báo-ứng rõ-ràng,
Khuyên ai chớ giữ lòng tham của đời !

45—Đời Minh trước có người Khương-Kính,

Vốn là người phú-tính hẵn-hoi ;

Nết-na chẳng thích chơi-bời,
Gia-dình túc-mục trong ngoài ấm-êm ;

Đứa hầu-hạ cậy quyền ỷ thế,

Mua của người được rẻ là thôi ;

Vợ là Hồ-thị hẵn-hoi,

Mua đâu lại bắt đem bồi trả thêm ;

Giữ một thói công-liêm trung-hậu,

Chẳng lường thung, tráo đấu đong chênh.

Vợ chồng đều được hiền-vinh,
Rỗi sinh con cháu Công Khanh năm đời.

46—Thẩm-Tùng cũng là người đức-độ,

Lại được người hiền-phụ trì gia ;

Kẻ hầu, đứa ở, trong nhà,

Lỗi-lầm lớn nhỏ đều là bỏ đi ;

Há phải nghĩ đói khai dịch-xử,

Không tiều-nhân, quân-tử sao xong ?

Cũng là lượng bể bao-dong,
Như Lưu-Khoan⁽¹⁾, ý sâu nồng khôn dò;
Sinh con học nghề nho bén bảng,
Cháu Tam-khôi lại rạng gia-tiên.
Cho hay trời tựa kẻ hiền,
Làm gương cho kẻ nhỏ-nhen hép-hòi.

47—Ông Phùng-Đạo ở đời Ngũ-đại,
Có tấm lòng rộng-rãi thiên-nhiên;
Cửu-kinh chép nghĩa thánh-hiền,
Hậu-Đường về trước chưa in chữ nào.
Từ Phùng-Đạo ra vào Sĩ-bản,
Khắc bàn in đem bán gần xa;
Đã hay là chước sinh-nhai,
Nhưng mà đỡ viết cũng là chước nhàn;
Rồi những nghĩa cổ-nhân dạy-dỗ,
Bắt chước dần in rõ xưa nay.
Báo chăng, chẳng báo nào hay!
Năm Triều thay đổi, vẫn đầy nghìn chung.

48—Chùa Tràng-bạch phong-quang một áng,
Ngụ đó là ông Phạm Trọng-Yêm;
Sách đèn buổi sớm khi đêm,
Mưa bay gió lở bên thềm thư-hiên,

(1) Lưu-Khoan tính-khí khoan-hoà, khi mặc áo mū sắp đi trâu, vợ thử ý bảo con hâu bưng bát canh già cách đánh dò vào áo, rồi vội-vàng bóc đi, Lưu-Khoan thùng-thình nói: «Thè canh có nóng tay mà không? »

Trông thấy có muôn nghìn nén đở,
Lại lấp y dấu cũ như không;
Vàng nào cho động được lòng,
Quyền vàng nay đã vàng dòng chảy ra!
Mặc của Phật hằng-hà sa-số,
Đề cơ-thuyền tể-độ ai chăng!

Người Nho, cửa Thích mây trăng,
Khi nhàn mới nhủ thuyền-tăng một lời,
Rắng: « Sớm muộn nhờ Trời chẳng phụ,
Đành mình đây hội-chủ hưng-công;
Như rồng trên nước vẫy-vùng,
Như voi trên cạn đột-xung có ngày. »
Lời gắn-bó cũng may thiêng miệng,
Chắp cánh hồng bay liệng dần lên;
Thuyền-tăng đem việc tiền-niên,
Rắng: « Lời dạy trước chưa quên xin trình:
Khi ấy viết phân-minh đưa lại,
Rắng có vàng ở chái thư-hiên.

Bởi ra dư vạn; dư nghìn,
Sứa-sang phong-cảnh, chùa-triền thiếu đâu!
Còn thừa lại bắc cầu các lối,
Ngang doanh xanh ra đợi mây xanh. »

Trên đầu ba thước chứng-minh,
Đã hay nhịn trước thời dành có sau;
Nhờ hoạn-bỗng bao lâu điều-độ,
Còn vàng y như chõ thư-hiên;
Ấy là phú-quí tại thiên,
Hay là giữ phận hữu duyên cũng vì.

49— Ngạn-Minh học nghề y trị bệnh,
Khẩn-cầu cho hoạt mịnh người ta;
Kẻ nghèo kia chẳng nài-hà,
Người giàu thiểu đủ cũng là tuỳ tâm;
Thú-vị lấy Hạnh-lâm (1) làm bạn,
Phong-cảnh đem hà-giản làm vui;
Có ai bình-hoạn xa-xôi,
Bước chân khuya sớm pha-phôi chẳng từ,
Rằng: « Cứu bệnh cũng như cứu hoả,
Dám thị thường thong-thả cho đành;
Có phen lửa cháy bên thành,
Vụ lây đến cá mà mình nỡ sao? »
Còn lại được dồi-dào lộc nước,
Chẳng qua vì biết chước làm nhân;
Trong cơ báo-ứng rất gần,
Có âm-đức, mới có phần vinh-quang.

50— Đất Bồ-điền là làng văn-vật,
Nhà họ Lâm khoa-mục rỗi-truyền;
Bởi đâu phúc-trách xui nê,
Cũng vì âm-đức tổ-tiên đó mà.
Tồ-tỉ trước vốn nhà hàng nước,
Tấm lòng nhân ai được như bà!
Mùa hè nực, nấu nước trà,
Mùa đông lạnh-lěo thì pha nước gừng.

(1) Đồng-Phụng chữa bệnh, người ta thường đem cây hạnh đèn tạ, nhân đặt hiệu là « Hạnh-lâm tiên-ông. »

Có tiền trả cũng vâng răng trả,
Kẻ nào không cũng dạ răng không;
Ngược suôi đai khách tây đông,
Có ông đạo-cốt tiên-phong theo về,
Răng: «Ta có biết nghề phong-thuỷ,
Đai cho ngôi “*Kê thê đăng khoa*”,»
Táng xong đưa đầu vừng ra,
Răng: «Khoa-danh, mỗi hạt là mỗi tên!»
Còn trời đất còn nền phúc-trạch,
Ấy là nhờ địa-mạch điểm-tô;
Răng phong-thủy bất khả vô,
Răng âm-chất lưỡng tương-phù phải chăng?

51 — Thái-Tương thuở siêng-nắng đèn-lửa,
Mùi chim thuần đói bữa ham ưa;
Cửa gà (1) thoát bỗng nằm mơ,
Có người áo cát đến thưa chuộc mình;
Nào biết dữ, hay lành, sự lạ,
Đem lồng chim buông thả ngay ra;
Chữ răng: «Yễn-thử ầm hà (2) »,
Nhẽ nào mưu đạo (3) nở mà thương sinh.

(1) Tòng-Tôn nuôi gà dưới cửa sổ nhà học, sau gà biết nói, thường bàn sách với Tòng-Tôn, vì thè thành hay chữ.

(2) Cỗ-văn: Yễn-thử ầm hà, bắt quá mẫn phúc, 鼾鼠飲酒不過滿腹 nghĩa là con chuột uống nước sông chẳng qua cung no bụng mà thôi.

(3) Luận-ngữ: Quân-tử mưu đạo bắt mưu thực 君子謀道不謀食, nghĩa là người quân-tử mưu sự đạo-đức chờ không mưu sự ăn.

Rồi chàng được công-danh phát-đạt,
Điều hiếu-sinh có biết cũng nên !

52— Người Dương-Tự thuở thanh-niên,
Thấy trong thần-mộng dặn khuyên mấy lời,
Rằng: « Cõi thọ như người được mấy,
Người phải nên tu lấy sự lành;
Liệu mà cứu lấy chúng-sinh,
Cứu muôn nghìn mạng thời mình mới xong:
Cá có trứng thì đừng có hại,
Nên đem ra sông, suối phóng-sinh;
Cứ trong lời nói phật-kinh,
Nhủ người ta cũng như mình thả ra. »
Chàng vàng vậy may mà thắng số,
Lại mơ rằng sống cỗ-lai-hi (1);
Người Dương ấy những nhân gì,
Thần sao dặn lại dặn đi kĩ-càng.
Như thế ấy mà chàng được thọ,
Thời điều lành dusk nhỏ nên tu.

53— Người Hi dòng-rồi họ Hồ,
Vẫn là có tiếng học-trò Lan-khê;
Thấy xâu-bọ chảng hề hại nỡ,
Lúc vào trường, làm dở mà hay!
Thảo văn đã đáp mèo này,
Bỗng đâu ngọn bút kiến đầy chan-chan,

(1) Đường-thi: « Nhân sinh thàt thập cỗ lai hi ». Nghĩa là người sống đến 70 xưa nay hiếm có.

Phải dừng bút nghĩ bàn mèo nọ,
Kiến bỗng đâu theo gió bay đi;
 Kiến là vật-loại vô-tri,
Tự-nhiên hiện-hóa cũng kỳ-lạ thay!
 Quan duyệt-quyển biết ngay thần-trợ,
 Bảng thiên-môn rờ-rờ tên cao;
 Làm nhân nào khó chi nào,
Truyện xưa há những Tống-Giao là kỳ (1)
 Cho biết mình, mình gì cũng trọng,
 Chớ thấy loài bé-bỏng mà khinh!

54— Có người đốt hại ngàn ranh,
Là Tử Trọng-Tử hứng tình săn chơi,
 Khi mắc bình kêu trời khấn đất,
 Bẻ cung tên, bỏ đứt nghẽ săn;
 Dặn mình gìn một lòng nhân,
Bước lên cõi thọ đến tuần kỳ-di (2).

55— Vương-Vinh thấy người đi khuya tối,
Đèn đuốc cho tảo lối sâu nông;
 Muộn-mẫn mừng được treo cung (3),
 Điểm hùng hai độ, bảng rồng hai tên.

56— Thế-Long đóng chiếc thuyền chở khách,
Đưa những người trở-cách tây đông;

(1) Xem trên số 17.

(2) Một trăm tuổi là kỳ-di.

(3) Sinh con trai thì treo cung trước cửa.

Sinh con làm tướng đồng-nhung,
Phải khi lâm-trận thế cùng trốn xa;
Trước cuồn-cuộn sông xa nước chảy,
Sau ầm-ầm cờ vẫy binh theo;
Tới lui đang lúc hiểm-nghèo,
Thuyền ai đâu bỗng đón trèo qua sông;
Tướng thuyền giúp Thế-Long chăng tá,
Qua sông rồi lại hoá ra không;
Thực, hư nghe cũng mơ-mòng,
Nhưng sao trận ấy thoát vòng tai-ương?

57 — Vợ chàng Phạm, bệnh đương trầm-trệ,
Thuốc phải dùng óc sẻ làm cao;
Tim-tòi dễ được là bao,
Chưa tìm được đủ đã hao đi dần;
Nàng tự nghĩ một thân đeo bệnh,
Hại đàn chim tính-mịnh bao nhiêu;
Phải sao thôi cũng xin liều,
Nội chim đã bắt nàng đều thả đi.
Lòng bất-nhẫn từ-bi linh-nghiệm,
Không bao lâu binh truyền ra lành;
Thuốc-thang chẵng lọ sâm linh,
Đúc hơi bạch-lộ ra hình đào-hoa (1).
Thợ Tạo khéo nặn ra dá-dẻ,
Có bót như chim sẻ rành-rành;

(1) Đàm-bà có thai, một tháng như móc trăng, một tháng như hoa đào.

Đặt cho «Bách-Tước» là danh,
Thèm phong bắn sách tên cành lá dương.

58— Giáng-lăng có một làng thói lạ,
Cứ mùa, gieo thuốc cá đầu sông;
Thuốc chi là hạt lôi-công,
Đến đâu tôm cá cũng không còn gì !
Lòng nhân có Quách-Huy nghĩ xót,
Hễ đầu mùa mua đốt đi xong,
Buồng câu chẳng nỡ dứt dòng (1),
Thù chi hại cả khúc sông nỡ nào !
Như lòng ấy, Trời cao cũng thấu,
Sinh hai con, bầy cháu xum-vầy,
Trước sau nối gót đường mày,
Chín mươi sáu tuổi hây-hây tóc vàng.

59— Làng sĩ-tử trong đường khoa-mục,
Há những là tài học hơn nhau ;
Chẳng qua đức-hạnh làm đầu,
Xem chàng Từ với chàng Châu hai người.
Chàng Châu trải từ đời tiên-thế,
Miếng thịt trâu, chưa dễ đến mồm ;
Học-tài chàng cũng bình-thường,
Mà lòng vẫn giữ một đường hiếu-sinh.
Chàng Từ dẫu học-hành tinh-luyện,
Chỉ vì hơi có truyện trăng-hoa ;

(1) Luận-ngữ. « Tử điệu nhi bài vỗng. » câu ày lày nghĩa ở đó.

Hai chàng khoa ấy đồng khoa,
Châu thi thứ nhất, Từ là thứ hai;
Duyên-cớ ấy nào ai tò được,
Nhưng chiêm-bao từ trước chẳng sai,
Cho hay có hạnh hơn tài,
Có tài không hạnh đã ai chắc gì!

- 60**— Đặt chữ từ vua Hy, vua Hiệt,
Tượng vì sao đặt nét dạy người;
Viết ra tự thánh, tự trời,
Nhẽ nào sé nát bỏ rơi coi thường!
Đời Tống có họ Vương hay kinh,
Chẳng để rơi chút-đỉnh chữ nào;
Đốt cho theo gió lên cao,
Một niềm kinh-cần dám bao giờ rời.
Nên thánh chứng cho người sùng-trọng,
Sinh con trai được giống thần-minh;
Là chàng Tôn-Thánh giáng-sinh,
Cứ như mộng-triệu mạnh danh gọi là;
Tiếng sực-nức chồi hoa nở trước,
 Tay điều-hoà sanh-vạc thơm-tho⁽¹⁾.
Ai hay trọng chữ nghè nho,
Có khi Thánh cũng chứng cho như là?

- 61**— Người Tất-Sưởng cửa nhà phú-túc,
Nhưng cửa đâu bỗng chốc nên giàu?

(1). Sanh-vạc bởi chữ « đỉnh nại 鼎鼐 » mà ra, nghĩa là chức Tề-tướng.

Là người khoảnh-khắc co-cầu,
Mua gì cũng giả ra mầu không mua.
Đôi ba thứ đắn-đo bót-só,
Lường gạt người phải hờ mới thôi;
Lợi riêng chẳng để nhường ai,
Nhẽ nào của-cải gia-tài chả phong!
Nghề mưu lợi đâu rằng rất mực,
Nhưng lấy gì để đức về sau?
Đàn con cờ bạc đua nhau,
Cơ-đồ chưa được bao lâu tan-tành!

62—Trường Thu-tuyễn, hai người đồng-xã,
Là Lưu-sinh với gã Từ-sinh;
Bao lâu nấu sứ sôi kinh,
Đem công đăng-hoả vin hình phong-vân.
Chàng Từ ấy, lời văn cầm-tú,
Giải xuyên-dương cướp ngỏ kim-khoa;
Khảo văn, Lưu sợ kém xa,
Giả rơi mà bảo rằng là lỡ tay.
Khác nào đứa chẳng may sẩy bước,
Lôi lấy người xuống nước cho lây;
Lại-phòng đâu đó mau tay,
Nhặt cho đem nộp vào ngay nội-tràng.
Chàng Từ quả bảng vàng tên chép,
Chàng Lưu còn ghen-ghét nữa chăng?
Lánh đi khác nẻo khơi-chừng,
Khi về phải đợi lên trăng mới về.

63—Vương-Hoa ngũ nhà quê đọc sách,
Lúc canh khuya thấy khách hồng-nhan,
Đưa tờ: « Xin giống nhân-gian,
Tròng ân, được ghé bên màn Đồng-sinh. »
Chàng nghe nói giật mình sẽ hỏi,
Rằng: « Đinh-ông thiết nôi muộn-măn !
Chờ sao, mấy kẻ chồn chân (1),
Treo cung chưa thấy, treo khăn cũng chầy.
Cho đi hoạ là may gấp-gỡ,
Một hai chặng rện nở ra vò;
Ấy ai là chặng hồ-đồ,
Chiều cho, hay chặng chiều cho nực cười
Dẫu rằng ở trong nơi ám-thất,
Há lỗ tai con mắt người ta !
Nhưng mà người phải chi mà,
Lòng thuần, dạ thước có là người chặng !
Tờ đưa có chữ rằng: « *Dữ giông*, »
Viết theo ngay chữ: « *Khủng thiên-thần*; »
Quanh-co bên sách bên khăn,
Khêu đèn đợi sáng tinh-thần rồi đi.
Truyện-trò ấy ẩn-vì ai biết,
Trong hai câu chỉ viết cho nhau;
Biết chặng là một con hầu,
Với mình, với chủ ai đâu được tường.
Thế mà kẻ mơ-màng mộng-hiện,
Thấy Thiên-đình treo biển Trạng-nguyên;
Có hai câu ấy hai bên,

(1) Chờ sao là người vợ lẽ, là ý nghĩa thơ « Tiễn-tinh » ở kinh Thi,

Mà tên lại chẳng rõ tên là gì?
Trong khoa ấy bốn kỳ đệ nhất,
Đỗ Trạng-nguyên rõ mặt Vương-Hoa;
Mới hay hơn được người ta,
Cũng vì giữ được nết-na hơn người.
Nên đã Trạng, con rồi lại Trạng,
Há một mình khoa-bảng mà thôi;
Phong-lưu dẳng-dặc quan-giai,
Một lòng âm-chất, muôn đời gia-phong.

64—Đời Đường có Tấn-công Bùi-Độ,
Chức làm quan Lại-bộ Tướng-công;
Nhân khi trầu-chực vừa xong,
Thay xiêm đổi áo chơi dong ngoại thành.
Thấy có kẻ ra hình thất chí,
Giở truyện-trò thǎn-thỉ dần-dần;
Rằng: «Mình là chức Tham-quân,
Mạn-tàng để sắc cáo-thân lỡ mình.
Vả hói-phượng lê nghinh đã hẹn,
Phải nha-quan đem hiến Tướng-công.
Khen thay thiện-sự có lòng,
Hiếm gì mỗi phấn má hồng nhân-gian!
Tướng-công, tiếng là quan nhân-đức,
Nhưng truyện này thực ức nhàn tâm.
Cửa-hầu như bể muôn tầm,
Kim rơi hầu dễ thấy tăm mà mờ! »
Nghe kể-lẽ căn-do tường-tận,
Nói ra sâu, ra giận căm-căm;

Rồng trui lốt cá vào đầm,
Trách trách họ Dự chẳng lầm thì sao! (1)
Rắng: «Đây vốn ra vào cửa mận,
Gặp nhau đây tin-cần đừngng nghi,
Nhưng mà phổi-ngẫu tên gì?
Bảo cho được biết đây thì dê tra. »
Thura: «Tên gọi Hoàng-Nga Thiếu-nữ,
Thấy hay không xin cứ để lòng.
Yêu nhau liệu giúp nhau cùng,
Nói ra nào biết cát hung đường nào? »
Nghe nói đoạn, trở vào Tướng phủ,
Truyền ra đòi lấy chủ Tham-quân.
Thoát nghe bối-rối tâm-thần,
Mừng-mừng sợ-sợ bước chân rụng-rời.
Vào coi thấy vẫn người mới đó,
Nói ôn-tồn ra có lòng nhân.
Truyền thay sắc khác Cáo-thân,
Hoàng-Nga đâu đó theo chân cho về.
Duyên kháng-lệ tơ xe như cũ,
Ấn Khâm-sai son đỏ hơn xưa.
Nhờ như thế mới là nhờ,
Đường mây lại rộng, cơn mưa cũng rào.
Tham-quân có ngọc giao (2) chǎng tá?
Đỗ đầy màm dê trả àn sâu!

(1) Dự-Nhượng di săn bắn, có con rồng đổi lốt cá, Nhượng không biết bắn phải, rồi về sau bị rồng trả thù.

(2) Giao là cá, ngày trước người đánh cá gạt nước mắt thành ngọc châu, đem tạ àn-nhàn.

Có khi xin chúc cho giầu,
Chúc nhiều con, chúc sống lâu, ba nhời.
Rồi quả được như lời tụng-chúc,
Nhà Tấn-công hưởng phúc tam-đa.
Cơ trời báo ứng không xa,
Như Âm-đức ấy thực là lớn-lao !

- 65** — Đất Qui-an có Mao-sĩ-tử,
Nghè thư-hương lại giữ thư-hương;
Xa-xôi chẳng quản dặm trường,
Rong lừa Lý-Cố cắp yên theo thày.
Đứa con ở ngày ngày chào hỏi,
Lững-lờ toan trao mối tơ vương.
Ấy ai gầy khúc cầu hoàng,
Làm chi ngang dạ quyển vàng đèn xanh.
Rằng: «chẳng giữ trong mình một tiết,
Thói vườn giâu đỗ nát giâu ra.
- Đẹp như Tây-tử mặn-mà,
Đã dơ thì dố người ta dám gần.
Nghe ruồng-rẫy mười phần sỉ-nhục,
Dám còn phô nhĩ-mục ra đâu.
Phải liều trong giếng nước sâu,
Kéo còn mang tiếng mà đau đớn lòng;
Quá lời đẻ má hồng bạc phận,
Động lòng chàng trắc-ẩn mà thương.
Vắng mình theo xuống voi vàng,
May thay cùu-vót còn đường khả-sinh.
Chờ khi án tuyết-định vắng-vé,
Đem sự nàng trung thủy trình thưa.

Xin tìm đôi lứa cho vừa,
Khấn ông Nguyệt-lão xe tơ cho nàng.

Một là thói du-tường lại chính,
Hai là toàn được minh người ta.

Ba là con ở thành gia,
Một điều mà hoá ra ba điều lành.

Nên mới được khoa danh sớm đỗ,
Tuổi chín mươi cõi thọ thong-dong.

Đời đời nối dấu nho-phong,
Giới-dàm một ít mà ra phúc nhiều.

66— Người Vô-Cạnh có điều đức-độ,
Đi Đông-kinh qua phố Chu-tiên.

Thấy hai đứa cãi nợ tiền,
Đứa thè đã trả, đứa nguyễn rắng không.

Cơn tranh khi dùng-dùng trận lửa,
Đánh nhau toan đến cửa công-nha;

Động lòng chàng mới bảo qua,
Rắng: « Đừng sinh sự nữa mà sự sinh.

Khắp bốn bề trong tình huynh đệ,
Giao tài không ra kẻ trượng-phu.

Sẵn tiền đây sẽ trả cho,
Không thì quan pháp như lô nữa ngày.

Nào tụng-lệ nào thầy thủ-án,
Luồn-lỏi chờ chê-chán chưa xong.

Được ra chẳng mấy lăm đồng,
Xử vào trong giấy cũng không được gì. »

Một đứa lĩnh tiền đi một ngả,
Một đứa ngồi từ-tạ thưa rắng:

« Ân này biết trả được chăng,
Để đem mảnh ngói cho bằng hạt châu.

Ước sao được mai sau gấp gỗ,

Nơi Thần-kinh phố ở Long-hoà.

Tầm phuong vui bước hoạ là,
Tôm này rồng đến chơi nhà là may. »

Chàng nghe đoạn chia tay trở lại,

Đành sự người phân-giải thời thoi;

Cho rằng ước hẹn hắn-hoi,

Nhưng làm ân lẽ đi đòi ân sao?

Rồi gấp tiết nở đào mọc liễu,

Hứng xuân-du thăm nẻo phồn-hoa.

Một hôm qua phố Long-hoà,
Nhớ ra kẻ nói có nhạ ở đây.

Đường len-lỏi bông lau phất gió,

Nóc bà-soà lá cỏ che sương.

Chàng ta trông thấy vội-vàng,

Rằng: « Ai dun-dủi Phượng-hoàng đáo gial! »

Một bầu rượu đòi ba trái táo,

Cảnh mến người lạo-thảo đưa ra.

Rằng: « Nay là của tiên-gia,

Chẳng trân-cam đó nhưng mà tràng sinh. »

Vui tiệc đoạn nghe mình thấy khỏe,

Sống đầy trăm có lẻ hai mươi.

Chẳng tiên nhưng cũng khác người,

Của đâu sao có táo ngươi An-kỳ. (1)

(1) Đời Tân Thùy-hoàng, có tiên ở ngoài bể là An-kỳ-sinh cưới con rắn trắng vào kinh dâng bảy quả táo.

Đã hay lẽ có thi có báo,
Nhưng là tiên hay đạo xui ra.

Suy xem như truyện « Lạn-kha », (1)
Đua may gặp gỡ cũng là tiên-duyên.

67—Đời có kẻ chí hèn lượng hẹp,
Cũng nực cười nên chép ghi ra:
Thái-thương xưa có một nhà,
Mình giàu mà ghét người ta cũng giàu.
Ruộng người đã cầy sâu bùa cỏ,
Cố chêu người cho lúa ra năn.
Khen cho người ở có nhàn,
Tìm năn lấy giống mà chần chin đi.
Để gìn giữ đến khi sếp lân,
Muốn hại người mà vẫn như không;
Giàu nào cho quá Thạch-Sùng,
Cầm lòng như thế còn mong giàu gi?
Người ở ấy nhân-nghi phải nhẽ,
Trách sao mà bạch địa Công-khanh!
Sinh con hoàng-bảng đề danh,
Lầu son đồi dấu nhà gianh cửa bồng.

(1) Kinh-bắc có người hái cùi, thấy hai ông lão đánh cờ ở
núi, uống rượu nhắm với đào, thuỳnh-thoảng ném hạt
xéng thì người hái cùi lại nhặt ăn, vờ-vẫn chông cán búa
xem. Sau tan cuộc, hai ông lão đi, người ấy cắt gánh cùi
về, thì ra cùi và cán búa đều nát dù như cám, về đèn
nhà đã có chất ba đời. Bởi thế gọi núi ấy là núi « Lạn-kha ».

68—Người án-tuyết già còng đèn sách,
Tiếng Tô-Chương tinh dịch ai qua.

Vừa năm Mậu-ngũ khai khoa,
Chiêm-bao thần bảo đỗ ra dưới mười.

Nhé miệng nói với người đồng-học,
Lạ chẳng gan hiềm độc thay là!

Bắn tin những tiếng gièm pha,
Rắng: «Tô-Chương học có ra vẻ gì.
Sao dám quyết đỗ thi mười một,
Hắn là tình đút-lót không sai.»

Quan Trường nghe nói rác tai,
Thứ mười một ấy xoạn bài bỏ ra.

Quyền trừ-súc đem mà phê lại,
Hồi phách ra hoá phải Tô-Chương.

Ấy ai đã đỗ rõ-ràng,
Vì ai xui khiến thay sang quyền này.

Trời cũng ghét người hay hiềm-hóc,
Chữ «Độc hoàn tự độc» nên gươong.

Làm chi những thói ghen tuông,
Lưu-sinh (1) xưa cũng một tuồng phải chưa?

69—Trịnh-Thông vốn thủa xưa hàn-sĩ,
Hỏi con nhà Hạ-thị làm đôi.

Coi người coi đã dễ coi,
Ai ngờ khi vắn-danh rồi hoá cầm.

Nào rằng đã đủ năm tiệc lê,
Chẳng thiếu chi tìm kẻ đồng tay,

(1) Xem số 62.

Trăm năm nào phải một ngày,
Chịu sao được với người ngày tội đời?

Chàng rằng: ấy «sự trời đã định,
Trót một lời đe-dính thì thôi.

Miễn cho công-hạnh ra người,
Dẫu rằng ít nói ít lời chẳng sao!

Người đang độ hoa đào đua nở,
Làm chi cho ngăn trở duyên ai.

Ví-dù ta đã trê bai,
Thì thôi người ấy còn ai lại nhìn.»

Sắm lê sinh đua tin điện-nạn,
Chướng lưu-tô hợp bạn uyên-ương.

Khen người nhàn-tĩnh dẽ-dàng,
Hỏi han cho có nghìn vàng chẳng thưa.

Ghét những thói đong đưa dao lá,
Chẳng đa ngôn đa quá như ai!

Nuôi chồng danh chiếm bảng mai,
Sinh con ba lứa ba trai liền-liền;
Ba đợt sóng đua lên cửa Vũ,
Một cha, ba con đỗ theo nhau.

Nào ai chê khó tham giàu,
Nào ai chê sấu mà cầu đẹp chi!

Chữ: «Sú-phụ sinh kỳ quí-tử,»

Ngâm xem câu cổ-ngữ rõ-ràng.

Làm gương cho kẻ tài-lang,
Núi sâu chấm lớn chó tham nữa mà...!

70 — Đây lại nói hai nhà thuyền thơ,
Để làm gương hay dở xưa nay.

Thợ sơn kia với thợ may,
Cùng làm bạn-hữu từ ngày tuổi xanh.
Thợ may nọ mới sinh một ả,
Thợ sơn sinh ra gã Dương-Tân.

Hai nhà kết nghĩa Châu, Trần,
Nhưng Dương-Tân ấy khó-khăn như vỡ.

Học-hành hãy còn chờ khoa-cử,
Đã thấy đâu danh-dự ra gi.

Định ngày nạp-thái vu-qui,
Thợ may vợ lại phân bi thiệt hơn.

Hay gì thứ thợ sơn bôi-bác,
Nắm thép lông kiếm chắc gần xa.

Học-hành rầy tối mai qua,
Hay-ho bất quá biết ba chữ quên !

Nhà ta dẫu rằng hèn còn có,
Hoài đâu cho cú đỗ cành mai.

Có con bé ở lạc-loài,
Thắng đồ tơ-lụa coi người cũng sinh.

Khi sinh hãy trả hình thay đổi,
Tắt đèn thôi biết ngồi hay gianh !»

Tới kỳ Dương đến thân-nghinh,
Mừng rằng ngựa đã được lành giây cương! (1)

(1) Cỗ-ngữ: « Nam trường bất phòi như luyệt mã vô cương. Nghĩa là: trai lớn không lấy vợ như ngựa kim không giây cương.

Hò-hững khéo như chàng Vi-Cố,
Chắc là con Thái-thú Châu Tương. (1)

Xướng tuỳ êm khúc loan-hoàng,
Bút nghiên sắm sửa chực chàng vào thi.
Thăng công-khi, bốn kỳ đậu mực,
Nhà đơn-hàn sùng-sực vinh-hoa.

Chi trai đã thoả chàng là,
Tiểu-khoa rồi đại-dăng-khoa tung-bừng.

Ôn Vũ-lộ ngửa vàng ngọc-dụ,
Chức thân-dân, ra phủ Tương-hương.

Qua nhà ông Nhạc tiện đường,
Xe chàng đi trước, kiệu nàng đi sau.

Con bé ở chẳng cầu mà được,
Nghĩ chị chàng nhỡ trước nên thương.

Yêu hoa, hoa chẳng nở-nang,
Hững-hờ trồi liễu, liễu càng đua tươi!

Tủi phận phải giã đời Dương-thế,
Giã ơn lòng nhà mẹ mưu sâu!

(1) Vi-Cố định là Phan-nữ, gặp một ông lão ngồi kiểm sách, trong túi có dây Sich-thẳng. Cố hỏi thì bảo là dây buộc tay cho vợ chồng người lây nhau. Cố đem sự định là Phan-nữ nói với ông lão, ông lão bảo chừa se, và nói Cố về sau sẽ lấy con gái người bán dâu bây giờ mới lên ba tuổi. Cố giao cho người giết đứa con gái ấy, nhưng không chết, chỉ phải chổ lông mi. Sau cách 14 năm Cố là con gái quan Thái-thú Châu Tương, thày chổ-mi có thương-tích hỏi ra thì vẫn là con gái người bán dâu, bay giờ làm con nuôi quan Thái-thú.

Lùa trời, trời dẽ lùa đâu,
Ai ơi xin chờ lùa nhau với trời.

71—Dương-Vân rất là người thâm hiěm,
Hay lập mưu xui-siěm người ta,
Họ Trần vốn thói thuận-hoà

Em là Mạnh-Đạt, anh là Mạnh-Dung.

Dương-Vân cũng tình trong qua-cát,

Nhưng đã từng sô-sát mấy phen;

Giận gì mà vẫn không quên,

Việc gì lợi hại mà nên thù-hắn,

Vừa gặp lúc họ Trần lập khoán,

Chiếu gia-tài diền-sản quân phân.

Mạnh-Dung, Mạnh-Đạt, hai phần,
Chứng-tri đã có tôn-thàn mấy người.

Dương-Vân khéo đưa lời xui giục,

Rắng: «Xưa kia vàng ngọc còn **nhiều**,

Có khi con ghét con yêu,

Cho riêng chẳng biết bao nhiêu bấy **giờ**.

Dành của nỗi tro-tro ở đó,

Còn của chìm sao có mà không.

Ngày ngày sui gã Mạnh-Dung,

Dắt nhau đến trước cửa công mấy **lần**.

Rốc của cải về phần nha lê,

Như muối đem bỏ bể thảm đâu!

Thâu mòn mới biết bảo nhau,

Tính ra một chữ chín trâu khôn đèn.

Khen ai khéo xui nguyên giục bị,

Đề cho ai bội-lý thương-luân.

Đạo trời ghét kẻ ác-nhân,
Chả bao lâu nữa Dương-Vân hoá loà.

Cho biết kẻ điêu-toa gây vạ,
Giữa đường quang nỡ thả chông gai.

Thù ai mà giận chi ai,
Muru sâu chẳng kéo hoạ tai đến mình.

72 — Từ-Trì đã là danh phú-túc,
Hiềm cửa nhà cục-súc qui mô.

Thấy nhà đẹp của họ Chu,
Muốn mua, Chu chẳng bán cho, giận lòng.

Về lập kế mở sòng đồ-bác,
Rủ con Chu cờ-bạc năm canh.

Lạ gì tuổi trẻ đầu xanh,
Mắc con bạc lõm dỗ-dành phải thua.

Bán sấp ngửa lại thừa chẵn lẻ,
Thẻ trăm quan lên thẻ nghìn quan.

Được thua xóc-xách trong bàn,
Thua thì nhà ấy phải đoán chữ vào,

Thủng-thắng đến kỳ nào quá hạn.

Chữ «*Điển* 典» ra chữ «*Đoạn* 斷» là xong!

Sinh con ai nỡ sinh lòng,
Giã-chàng xe cát tiếc công cho người.

Thương tiếc phải quá lời chách thiện,
Nhà họ Chu ra truyện tương-ly.

Thoả lòng chẳng hối Từ-Trì!
Tư-ki người hóa tư-ki của mình!

Nhưng tạo-hoa để lành đâu đó,
Chứng nan y một lũ đâu ra.

Rừng đâu cho có trứng gà,
Nước đâu cho có bạch-xà làm thang?

Góm thay có gia-dường rộng-rãi,
Nhưng còn ai dám đoái-hoài đâu!

Mưu sâu thời vạ càng sâu,
Bất nhàn mà giữ được giầu hay không?

73—Lý-Phương vốn con ông Tướng-quốc,

Uy-quyền trong một nước ai qua;

Xử mình giữ tính khiêm-hoà,
Dẫu ai lầm-lỡ cũng là thứ ngay.

Lượng cao rộng ví tầy non bể,
Chẳng cây quyền cây thế danh-gia;

Há như ngòi, lạch nông-trò!

Chưa mưa nước đã tung bờ giàn lên.

Người phúc-đức gây nên thiện-quả,

Một chồi sinh trăm lá nghìn hoa.

74— Họ Trần xưa có một nhà,

Tu nhân, tích đức tên là Trần-Xương,

Trong làng lại có chàng họ Lã,

Nhờ vận trời gấp-gõ duyên đâu?

Khoa-danh phát-dạt đã lâu,

Mà đường ăn-ở ra mầu kiêu-căng.

Ngồi đáy giếng nghĩ rằng đã rộng,

Ngoài mắt coi ai cũng như không;

Chẳng đem cây đức vun-trồng,

Đắp xây đất tảo nền tông thêm dày.

Có một lão là thày phong-thuỷ,
Đem loan-dầu lý-kí phô-phang ;
Kìa thiên-thị, nọ thiên-hoàng,
Kìa nguyễn-dầu-thuỷ đáo đường hợp khâm (1).
Rằng: « Ngôi ấy nghìn năm tiếp phúc, »
Ra vào năm bẩy lúc xin dàng ;
Đãi người, người đãi mình chẳng,
Nào hay người vẫn dửng-dưng không thèm
Lưng-lối tính ra xem đã cạn,
Cắp la-bàn chực chán mà ra ;
Tới lui lở bước đường xa,
May thay thăm hỏi vào nhà Trần-Xuong.
Nhà hẹp chứa quyền vàng chật gác,
Cửa thưa treo trăng bạc làm gương ;
Thấy người tuổi-tác lở đường,
Lòng hăng kính-trọng bữa thường vầy-vui.
So tâm-địa với người họ Lã,
Như Trần đây đáng trả ơn sâu ;
Đất cho họ Lã nào đâu,
Đem cho Trần để mai sau được nhờ.
Ấy phúc-địa vẫn chờ phúc-trạch,
Lẽ « Trâm-tiên hoạch-sách » là không ;
Táng rồi phát-đạt đúng-đúng,
Chín tên hoàng-bảng một dòng thư-hương ;
Nào họ Lã ngồi sang chói-lợi,
Nhưng chẳng qua phát lỗi mà thôi.

(1) Đó toàn là kiểu địa-lý.

Cho hay được đất là trời,
Trời đâu để đất cho người kiêu-nhân?

75— Người Lý-Phỏng danh-thần triều Tống,
Được Cửu-trùng yêu trọng ân sâu;
Thượng-nguyên vui tiệc trên lầu,
Thôi quan lại triệu vào chầu long-nhan.
Lời ngọc-dụ vâng ban khẩn-khoản,
Rằng: « Người lành, ta muốn thường thân;
Nhớ câu chơi với thiện-nhân,
Thơm lây mong được sánh gần mùi lan. »

76— Ông Tử-Nghi làm quan danh-tề,
Phải khi đau, Lư-Kỷ vào thăm;
Gorm thay mặt sứa gan hầm,
Thoắt trong dẫu đến mồm câm cũng cười!
Truyền hầu-hạ người người tránh khỏi,
Để cho vào thăm hỏi mà ra;
Đã hay ghét kẻ gian-tà,
Ghét chi cho lầm nữa mà thù lâu.
Lư-Kỷ đoạn ngày sau uy phúc,
Oán băng tơ, băng tóc không quên;
Đời Đường nào mấy người tuyển,
Mà nhà ông Quách vẫn bền như xưa.
Cho biết chẳng ai ưa đứa dữ,
Nhưng cười chi, trêu-quở ai chi?
Cứ nghiêm là chẳng can gì,
Không nên để kẻ gian-phi oán mình.

77—Hàn-Kỳ trước là danh Tể-tướng,
Vốn bao-dong rộng-lượng hơn người;
Dù ai kể xấu truyện ai,
Làm thịnh chẳng động một lời đặt thêm.
Truyện ai kể ai hiền-hậu đó,
Thì khen thêm cho rõ tiếng ra;
Khen, là khuyên-dỗ người ta,
Mặc, là cho khỏi nhuốc-nha sự người.
Nghe Tiên-thánh có lời ghi để,
Ràng: «*Thành nhân chí mỹ*» đó mà!
Dữ lành nghe truyện gần xa,
Tiểu-nhân, quân-tử xem ra khác vời.

78—Sơn-đông trước có người ltrọng nhỏ,
Làm Thượng-thư Lại-bộ triều Minh;
Thường khen những kẻ tài-danh,
Té ra chỉ vị kim-tình mà thôi.
Để cho kẻ hiền-tài ủng-tế,
Chữ «*Đạt hiền*» chẳng nghĩ về sau;
Giầu-sang nào được bao lâu,
Đám mây bất-nghĩa còn đâu mà còn.
Rồi phát án phải bòn gia-sản,
Của tang-tử tiêu-tán như không;
Cho hay người chẳng thực lòng,
Hòn băng đắp núi vẫn không ra gì.

79—Ứng-Phương vốn người đi kiếm củi,
Nhặt hết gai nhũng lối người qua,

Tâm-điền đã khác người ta,
Cho nên được củi toàn là trầm-hương.

80— Chàng Thể-Trạch sửa đường ngay thẳng,
Chỗ sỏi-sành, san phẳng như trang;
Trời đèn cho sức sửa-sang,
Hai con nhẹ bước lên đàng thanh-vân.
Tuổi sáu chục lên tuần chín chục,
Hạn đưa qua, hưởng phúc bình-khang;
Chớ chê thiện nhỏ không làm,
Thiện tuy rằng nhỏ, phúc thường được to.

81— Tân-trọng-Phủ, danh-nho đời trước,
Vàng được phong làm tước Tri-châu;
Kiều-luong đạo-lộ đâu-đâu,
Bắt người san sửa khắp hâu gần xa.
Trồng dặng liễu rườm-rà mọi lối,
Tiết hạ-thiên như thổi xuân-phong;
Ngược, xuôi ai cũng ơn lòng,
Thấy cây lại nhớ người trồng, đặt tên.

82— Châu-Toàn ở gần bên cửa bể,
Sái-Tương làm Thủ-tể trong Châu;
Mấy phen sương gió mịt-mù,
Xót người phải hại vì đò đã lâu.
Chở đá xếp làm cầu cho tiện,
Đàn ô khôn lấp bến sông Ngân;
Một tờ thấu đến Hải-thần,
Bông đâu chữ «Thô 醋» thấy văn rõ bầy.

Là giờ dậu ngày hai mươi mốt,
Ấy là ngày nước rút phải không?

Cứ ngày giờ ấy hưng công,
Quả-nhiên cạn sạch nước sông thực kỵ.

Đá nghìn dịp xây đi ngang nước,
Sông nghìn tần như bước trong gương;

Châu Toàn sang đến Lạc-dương,
Qua nơi hiểm-trở lên đường hanh-thông.

Nghìn đời được nhờ công tế-độ,
Nên Sái-Tương một họ hưng-long;

Cho hay những kẻ có lòng,
Bao giờ trời cũng đèn công cho người.

83— Ngày trước có một người danh-sĩ,
Người nho-phong mà chi tiên-phong;

Tên chàng là Mạo-khởi-Tông,
Tụng thiên cảm-ứng một lòng kính tin.

Khoa Mậu-ngũ đỗ lên Hương-cử,
Nguyễn thích ra từng chữ từng điều;

Tưởng điều «hiếu sắc» hại nhiều,
Dẫn ra cổ-tích bao nhiêu tỏ-tường.

Để ai cũng biết đường dạy-giỗ,

Khoa Mậu-thìn lại đỗ xuân-khoa;

Cho hay nhờ được vinh-hoa,
Cũng vì khuyên-giỗ người ta ở lành.

84— Ông Văn-Chính khi mình hoạn-nghiệp,
Nhờ lộc trời chẳng hép chi ai;

Họ Tôn có gã Tú-tài,
Nay xin rồi lại vật-nài mai xin.

Đã tư-cấp hàng nghìn chẳng ít,
Còn đem lời khẩn-thiết lạ sao ?

Rắng: « Minh đội đức cù-lao,
Đoái trông non Dĩ tuổi cao nhà ughèo.

Kinh-sử dẽ mà theo đăng-hoả,
Trân-cam nào được thoả thần-hôn ;

Ngậm-ngùi hai chữ « Đãi tốn »,
Chuỳ-ngưu chưa biết, kê-dòn đã không (1).

Trộm thấy có rợng lòng nhân-ái,
Nên đến đây chẳng ngại tu-imi ;

Rắng: « Người nào khách thường gi,
Giúp cho chưa biết, học thì giữ chuyên.

Âu là cử cho lên chức học,
Mỗi tháng nhờ được lộc ba nghìn ;

Trước là phụng-dưỡng nhà huyên,
Sau là được dõi sách đèn hôm mai.

Đỡ-dần lúc hiền-tài chưa đạt,
Hởi lòng Tôn bưng trát người Mao (2) ;

Gia công ần kỷ nhường bao,
Mười năm chưa-chất đạo cao đức giày.

(1) Ông Tăng-tử nói: « Giữ kỳ chuỳ ngưu tè mè, bắt như kê đồn
đãi tốn. » Nghĩa là: Giữ kỳ giết trâu tè mè sao bằng phụng-dưỡng
thịt gà, lợn lúc cha mẹ còn.

(2) « Mao » Nghĩa được bổ quan, bưng tờ hịch mừng hün-nè, vì
còn có mẹ già.

Nỗi danh-giá ra thày Minh-Phúc,
Ấy vì ai gây đúc cho nên;
Vì người hiền biết người hiền,
Cho quan, chẳng những cho tiền mà thôi.
Bao-dung, kể là người đức-độ,
Hà như quan Lại-bộ Sơn-đông (1);
Thành nhân phúc ấy vô cùng,
Thảo nào nghìn tú muôn chung một nhà.

85— Thày Chu-tử đời nhà Triệu-Tống,
Thực đáng là một đấng đại-nho;
Khi ngài nhậm chức Tri-chu,
Gian ngay nghe truyện hồ-đồ khó tra.
Trong phủ-hạt có nhà cư-tộc,
Tạo-táng mong để phúc nghìn năm;
Lạ chẳng có đứa tham-tâm,
Tạc bia mộ-chí táng lầm xin tra.
Dấu mới đó nhận ra đã cũ,
Người ngay kia phải trở là gian;
Đất là đất phát cao-quan,
Người là người hiềm thế-gian mấy người.
Thế mà phát, là trời chẳng thật,
Chẳng phát thì là đất không tin;
Trót đà đổi trắng thay đen,
Trách sao mà đấng đại-hiền thở-than?
Nhưng trời có dung gian đâu đó,
Bỗng nỗi cơn mưa gió dùng-dùng;

(1) Xem sò 78.

Đất bằng trùt xuống thành sông,
Thôi ai đạo táng là công đi đời!
Cho biết thuận lẽ trời mới được,
Tham-lam chi, mưu chước làm chi!
Thiên-cơ báo-ứng lâu gì,
Làm gương cho kẻ gian-phi ở đời.

86—Đời ngày trước có người họ Nhiếp,
Tên Sùng-Nghi, chẳng biết quê đau;
Hay làm thơ chế-bác nhau,
Sự ai xấu, tốt có câu chê cười.
Trúc-Kỳ cũng là người dao-lá,
Hay nói phi danh-giá người ta;
Sùng-Nghi sau phải đầy xa,
Trúc-Kỳ mắc bệnh hoá ra thiêt-hoàng
Chẳng biết truyện người vàng khoá miệng,
Để dăn người miệng tiếng chê-bai;
Rằng: « Phòng phi khẩu mạc khai »
Trách minh chưa hết trách ai làm gì!

87—Làm chủ-khảo tràng thi hội-tuyễn,
Là Hồ-Thần thấy quyển ưu-phân;
Tưởng tên ấy chắc mười phần,
Bởi sao duyệt chẳng thấy văn nhị-tràng?
Ra tên thấy một nàng mài mực,
Mơ-hồ như thần-lực chu-tuyễn;
Nào ngờ xui-khiến cho nên,
Chữ « Đàm khuê khôn » viết lên đầu bài.

Như văn ấy dẽ ai dẽ được,
Nên Viện ngoài đã tước tên ra;
Tiếc thay là kẻ tài-hoa,
Ma đâu ghen-ghét thực là khắt-khe.
Tra ra sự phòng the đêm gối,
Chàng nhũng hay xoi-mói người ta ;
Xưa nay trong hội trường-khoa,
Báo ân, báo oán có ma là thường.
Nên nhũng kẻ trong đường khoa-cử,
Chớ nghĩ là hay chữ khoe-khoang;
Nết hay, dấu chữ bình-thường,
Khi thiêng ngọn bút chẳng nhường người hay.

88 — Trương-cửu-Thành từ ngày tám tuổi,
Ngồi học như đối với thần-minh ;
Ngày sau có gã Hứa-Hành,
Kinh thờ tiên-thánh, tiên-sinh các tòa.
Lòng tưởng-vọng như là trông thấy,
Há nhũng chấm bút giấy mà thôi ;
Làm nên khoa-hoạn hắn-hoi,
Người đời nhà Tống, kẻ đời nhà Nguyên.

89 — Lý-sinh thuở đi lên ứng-thi,
Qua Cù-châu vào nghỉ thung-dung ;
Đinh-ông đón-rước dài-dùng,
Thưa rằng: « Đêm có mơ-mòng chiêm-bao.
Nay ngài đến nghiệm vào trong mộng,
Ất khoa này ngài trúng khôi-nguyên ».

Sinh nghe truyện nói hiền-nhiên,
Mừng thầm tiếng sấm nỗi lên trận này,

Mới nghĩ đến bấy nay một truyện :

Nọ tao-khang bộ-diện khôn coi ;

Hèn thì gượng phải đứng ngồi,
Khi sang còn đè làm đói xấu mình.

Hẽ mai mốt đè danh trên bảng,

Thì hồng-nhan muôn vạn thiếu chi ;

Có câu rằng : « Qui địch thê »,
Tổng-Hoằng kia khéo cũng quê biết gì (1).

Vả giận nỗi hàn-vi từ bé,

Nào là ai vị-nể hay chặng !

Những nhà trước mặt sau lưng,
Vinh-quí thời dỗ xem rằng ai ngăn ! »

Một đói truyện ăn-năn nghĩ-ngoại,

Khi trước đèn, khi dưới bóng trăng ;

Bàn thăm với đứa hầu chặng ?

Bên tường nào có ai rằng ghé tai.

Mà bữa trước người ngoài quán ấy,

Đã chiêm-bao lại thấy chiêm-bao ;

Rằng : « Sinh nỡ phụ tình sao ?

Thôi sinh chả có kiếp nào làm nên. »

Khoa-mục thuở bề trên mở rộng,

Ai chả rằng cầm lồng Trạng-nguyên ;

(1) Hồ-dương Công-chúa là chị gái Hán-Quang-Vũ mới goá chồng, muôn lày Tòng-Hoằng, bào vua làm mồi. Quang-Vũ hỏi thi Tòng-Hoằng thưa rằng : « Nghĩa bạn cũ không bao giờ dám quên, vợ tao-khang không lẽ nào lại phụ, bèn không chịu lày.

Nhưng tài với hạnh cho tuyỀn,
Cân lên hÊ nánh một bên chờ hÒng!
Rồi chàng Lý chỐc-mòng khoa tuyỀn,
Mòn bút nghiên có bén tên đâu;
NghĨ thầm trong chốn buồng sâu,
Mắt thần như chớp dễ hầu kín chăng!

90— Tô-châu có tên rĂng Lục-Uất,
Thấy trẻ con ở đất châu Dương;
Phải khi binh-loạn lạc đường,
Đưa về lại cấp tiền lương đến nhà.
Lại có lúc chơi xa vui bước,
Ả hoài-xuân ao-ước nàng khăn;
Chẳng cho rơm, lửa được gần,
Đưa về phó trả gia-thân mặc lòng.
Khi tỎ nẻo Câu-dung thoát đến,
Thấy ai rơi mười nén tinh ngàn;
Giữ-gìn tạm phải dừng chân,
Trong mười nén trả chủ-nhân đủ mười.
Trung-hậu thế trên đồi mới lạ!
Được ba lần lại giả cả ba;
Rồi ra gấp hội khai khoa,
Trong vi trÔng thấy quỉ ma vô-vàn.
Lấp-loáng chữ « Tam hoÀn » trên bảng,
Cho biết rằng những truyện ngày xưa;
Đó là đáng, chả còn ngờ,
Đạo trời báo-ứng sò-sò cũng mau.

••• 91 — Nàng Tiên-thị làm dâu từ bé,
Lúc về thăm nhà mẹ quê-hương,
Gặp khi dịch-lệ, ôn-hoàng,
Nghe nhà chồng phải lây-lan tám người.
Ai còn dám đến nơi thăm hỏi,
E rằng lây đến nỗi gì chăng;
Lòng nàng nghĩ-ngoại ngập-ngừng,
Dẫu ai ngăn-gián cũng rằng không nên.
Rằng: «Người đã kết duyên bồ-liêu,
Để đỡ người tuổi yếu mình già;
Thân là thân-phận đàn bà,
Đã hay con mẹ nhung ra con người.
Như lành dữ mặc trời với đó,
Còn khác loài cầm thú chi đâu;»
Trở về coi-sóc trước sau,
Đêm nghe ma nói với nhau như người.
Rằng «Dâu thảo xa-xôi về đó,
Thiện-thần theo bảo-hộ thời thoi.»
Đương cơn ma lẩn với người,
Tám người cất chứng lại hồi chẵng sao.
Ấy ai biết trời cao chẵng nói,
Cảm-ứng như hẽ gọi thời thua;
Một người phải đạo kính thờ,
Phúc trời cho cả nhà nhờ xiết bao!.

92 — Triều Minh có họ Tào Điện-sử,
Xếp bút nghiên theo giữ tam-quân.

Canh khuya có khách hồng-quần,
Hé mành len-lén bước gần tới nơi,
Thoảng bên gối bay hơi hương sả,
Lần bóng đèn như ả tiên-nga,
Thưa rằng: « Chút phận trâm-thoã,
Gió đâu lay đồ cho hoa tai-bời;
May duyên cũng là trời dun-dủi,
Đè gót bèo trôi nỗi vào đây;
Trộm nom đức-độ ai tầy,
Guồm trôn dưới đất, bóng bay ngắt trời
Xin lượng cả thương người hoạn-nạn,
Được nâng khăn bưng án là may;
Bề kia rộng biết bao đầy,
Chọn gì suối nọ khe này chẳng dong!
Nghe kể nỗi sâu nồng cũng lạ,
Viết chữ « Tào bài khả » đưa cho;
Rắng: « Đây là lại mà nho,
Lẽ nào đẽ bụi cho mờ được gương. »
Truyền hầu hạ tra tường quán-chỉ,
Phó đưa về nhà mẹ cho xong;
Tào rồi về chốn văn-phòng,
Vầy hoa nắn tảo gia công dùi-mài.
Khi xuân-tuyển vàng bài ứng-cử,
Nghiên tinh-thần hai chữ « Thôi-sao »;
Bỗng đâu cơn gió ào-ào,
Chữ « Tào bài khả » bay vào trong vi.

Lòng phảng-phất như cơ thăn trợ,
Bút thanh-liên (1) dường nở trăm hoa.

Rồi Tào đỗ đến khôi-khoa,
Làm nên danh-vị há là bỗng không.

93—Đàn bà có dung, công, ngôn, hạnh,
Mấy người hơn bà Trịnh Phu-nhân,
Nuôi con xiết nỗi ân-cần,
Đã phần là mẹ, lại phần là cha;
Tuy chưa được như là thai giáo,
Có khi như mụ Liễu hoà hùng (2),
Lở tường thấy lỗ tiền đồng,
Nghĩ trời hẳn xót nhà cùng mà cho.
Song lại nghĩ đói no đành vậy,
Miễn sao con học lấy cho siêng;
Đốt hương dãi tấm lòng riêng,
Khấn trời đất có linh-thiêng hộ-tri.
Xin con được gặp thi khoa-hoạn,
Như tiền dây đâu vạn là bao?
Lấp đi chẳng phạm chút nào,
Mẹ khuyên con chiếm danh cao mẹ đành.
Rồi Cảnh-Tổn khoa danh gặp hội,
Ngồi Tam-công ngửa đội ơn trên;
Đỉnh-chung chí thiển bạc tiền,
Bố công bà mẹ khấn nguyên khi xưa.

(1) Ông Lý-Bạch hiệu là Thanh-liên, nằm mơ thấy bút sinh hoa,

(2) Bà Liễu-thị hoà mật gầu cho con uống để cho tỉnh ngủ.

Mẹ như vậy con nhò được vậy,
Khuôn hiếu từ nên lấy làm gương;
Nền nhân, cửa nghĩa mỏ-mang,
Chữ «Lưu bát tận» lại càng dài lâu.

TỔNG KẾT

Ấy những truyện trước sau các tích,
Thày Quế-Đường chủ thích tường ra,
 Nói nghe như truyện thuyền-gia,
Nào thần, nào thánh, nào ma lẩn lời.
Nhưng cho biết sự người làm vậy,
Chẳng sai lời Thánh dạy phân-minh ;
 Xem người mà nghĩ vào mình,
Phải rằng tuyết-nguyệt phong-tình truyện chơi !
 Nào những kẻ vui nơi chướng-mã,
Trong tàng-tu một dạ lam-lanh ;
 In ra lời Thánh rành-rành,
Muốn cho ai cũng định-ninh dặn lòng.
 Người vui-thù vườn thông, rận cúc,
Mừng được nghe chữ ngọc câu vàng ;
 Diễn theo từng truyện rõ-ràng,
Ngâm-nga cho dễ biết đường khuyen-dẫu.

CHUNG



MỤC CÁC TRUYỀN QUỐC-NGỮ DIỄN CA, DIỄN NGHĨA
TÀN-QUYỀN HIỆU MẠC-ĐÌNH-TƯ

BẢN ĐÃ IN XONG:

1. Nữ-giới-ca	0 \$12
2. Dao-hoa mộng-ký	0 25
3. Ngưu-canh-ca	0 05
4. Hoa-Diều tranh-nàng	0 10
5. Nam-Nữ giao-ca trọn bộ 3 quyển.	0 30
6. Lão-Bang sinh-chau	0 12
7. Nữ-Quân-Tử trọn bộ 8 quyển mỗi quyển	0 12
8. Âm-Chất giải-âm.....	0 15
9. Việt-nam Nhị-thập-tứ-hiệu	0 08

BẢN ĐƯƠNG IN:

Cối Phúc (*Tích Phật Bà núi Phồ-dà*).

Nữ-Lưu-tướng.

Lục-Vân-Tiên (*Bản mới sửa lại*).

Song-Phụng kỵ duyên.

Thôi-Trương kỵ ngộ.

Thọ-Mai quốc-ngữ.

Nguyễn-Trãi Tướng-công (*Tiêu-thuyết An-nam*).

Liễu-Trai thứ 3.

Mảnh-Tinh Chung (*Dị-sử*).

Thiết-Thạch lương-duyên.

Nhân-Phượng-kiêm.

Tiên-Đào tái-đỗ.

Thanh-Tâm Tài-tử.

Kính-Hoa-duyên.

Đào-Lý tranh-xuân.

Tóc-Tơ vàng (*Trinh-thám Tiêu-thuyết*).

Mùi-Đời (*Sách dạy nấu ăn, làm bánh, đủ lối*).

Dã-Tiên-lục (*Sách thuốc Mán*).

Thái-bình cảnh-tượng (*Hát nhả-trò đủ lối*).